

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 13

CHƯƠNG II: NGHĨA GIẢI

TRONG PHẦN 9 CỦA CHƯƠNG II

(Chánh truyện có mười bảy vị, phụ có bảy vị)

- 1- Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 2- Truyện ngài Thích Tuệ Hạo trụ chùa Phương Đẳng ở An Châu, thời Tiền Đường.
- 3- Truyện ngài Thích Pháp Tường trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đông Châu, thời Tiền Đường.
- 4- Truyện ngài Thích Tĩnh Tạng trụ chùa Ngọc Tuyền ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường (Đạo Sung).
- 5- Truyện ngài Thích Viên Long ở chùa Hoàng Quang ở nước Tân-la, thời Tiền Đường (Viên An).
- 6- Truyện ngài Thích Hải Thuận trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường (Hành Hữu).
- 7- Truyện ngài Thích Đàm Tạng trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời tiền Đường.
- 8- Truyện ngài Thích Thần Huýnh trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô, thời tiền Đường (Pháp vị).
- 9- Truyện ngài Thích Tăng Phụng trụ chùa Định Thủy ở Kinh đô, thời tiền Đường (Pháp vị).
- 10- Truyện ngài Thích Đạo Nhạc trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời tiền Đường (Minh Khoáng, Minh Lược).
- 11- Truyện ngài Thích Công Huýnh trụ chùa Tuệ Phước ở Biện Châu, thời Tiền Đường.
- 12- Truyện ngài Thích Thần Chiếu trụ chùa An nghiệp ở Biện Châu, thời tiền Đường.

13- Truyện ngài Thích Đạo Kiệt trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, thời tiền Đường.

14- Truyện ngài Thích Thần Tố trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, thời tiền Đường.

15- Truyện ngài Thích Pháp Hộ trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô, thời tiền Đường.

16- Truyện ngài Thích Huyền Tục trụ chùa Bảo Viên ở Thục Đô, thời tiền Đường.

17- Truyện ngài Thích Tuệ Bích trụ chùa Pháp Lưu Thủy, ở Tô Châu, thời tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Nhân, họ Vu, người ở xứ Hải Diêm thuộc Quận Ngô, là con cháu của Thái thường Bảo đời Tấn. Ông nội Sư tên là Phác, làm Tán Kỵ thị thường thời nhà Lương. Ông nội Sư tên là Nguyên Hiển làm Trung Thư Xá nhân đời Lương. Đều là những bậc tài giỏi giúp đời rất tốt lành. Sư bẩm khí ôn hòa thư thái, trong soi hơn thường. Huy âm lược sâu, Tăng tục đều kính trọng ngợi khen.

Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp sư Tuệ Hy ở chùa Khai Thiện làm thầy. Đến tuổi chí học phát mạnh, Sư nghe Pháp sư Quỳnh ở chùa Kiến sơ giảng Luận Thành Thật. Tuy chưa thọ giới cụ túc mà đã ngang bằng người nhập thất, tiếng tăm trí tuệ trùm khắp, Đạo chúng thấy cùng suy tôn. Sư mừng vui thưởng vị tịnh tâm, chưa vạch chỉ chương cú, bèn đến chỗ hai vị Thiên Sư Tuệ Hiểu và Trí Thôi ở núi Chung Nam, thỉnh cầu truyền trao Pháp Quán Điều tâm. Nước Định đã lắng trong, nói nghĩ càng chững chạc. Sư tiếp mở rộng lược, cùng tận sâu mầu mà ngộ lời thần giải, riêng chước nêu tận cùng. Sư lại đến Pháp Sư Biện ở Trường Can, thọ học Tam Luận, thấu cùng vi ngôn của thật tướng, mở rộng u chỉ của mãn tự, rót nước một bình, xanh lại hơn lam. Sau, Pháp Sư Biện trở về yên tĩnh ở chốn núi rừng, bèn giao phó tất cả đồ chúng cho Sư. Học chúng thọ nghiệp hơn năm trăm vị, nối gót truyền đăng gần ba mươi năm.

Niên hiệu Thái Kiến thứ tám (576) đời Trần, vào đầu mùa an cư, bỗng chiêu cảm U Sứ (sứ giả cõi u minh) đến thưa với Sư rằng: “Vua muốn cầu thỉnh Pháp Sư!” Những người đi theo cùng ồn náo, tiếng ty trúc giao hưởng, Sư liền dứt hơi thở và xả mạng, thân thể vẫn như ngày thường, trải qua thời gian bảy ngày đêm, như nhập định sâu. Đến lúc

đồ chúng thưa hỏi, Sư mới bảo rằng: “Hãy xem trong rường có vật gì chẳng?” Đệ tử tìm kiếm thì có hai xấp lụa quyên. Nhân đó, Sư bảo: “Đó là Di vật của vị tăng này!” Đồ chúng lại hỏi về nguyên cớ. Sư bảo: “Vọng tưởng đảo điên, biết sao chẳng làm, ta bị vua Diêm-la mời gọi an cư kiết hạ, giảng Kinh Đại Phẩm Bát-nhã, ở chốn Minh Đạo được xem như là đã qua ba tháng. Lại thấy các hình ảnh ở chốn địa ngục, năm thứ khổ thay nhau”. Nếu chẳng do sức từ bao gồm cả u hiển, đạo hạnh rất mực cảm thông như Sư thì đâu thể đến cõi u minh kia, thần thức vân du nơi cõi khác? Trần Bộc Xạ Từ Lăng là người cao tài thông học, Thượng Thư Mao Hỷ là người tham cứu thấu suốt u vi, thời bấy giờ được xưng gọi là “Tri Nhân”, mà đều quy hướng về Sư.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, xây dựng chùa Thiên Định. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) tìm cầu khắp trong nước, xa thỉnh các bậc Danh đức. Sư là bậc Long Tượng Pháp Môn, cho nên ứng theo hội ấy. Đức đã sáng ngời bao trùm mọi vật. Luận nghị thì cả Đại chúng đồng tôn ngưỡng quy hướng. Sư bèn vâng phụng được cử làm tri sự Thượng tọa, dạy răn nghiêm túc thiền học, nhu thận dẫn dụ tựa nường, việc lắng hòa tăng luân v.v... các thứ oai quyền, đều nghĩ đến việc sớm mở bày. Lại nữa, mới đầu, chùa nhóm họp khắp nơi cùng một lúc, các bậc danh đức đều là những vị có đức hạnh tốt đẹp, Sư lại thật gồm đủ tất cả. Sư từng giảng Tam Luận và soạn văn sớ, nêu lên yếu ước người học đều kính phụng.

Đến thời tiền Đường mở vận, trùng hưng Đạo Phật, có cử mười vị Đại đức, Sư là người đứng đầu trong số đó. Sư đem chân thống trị pháp, chẳng sai bảo mà thực hành, nhún nhường để thành đạt, cúi mình thành chuyên, nên các bậc Lão túc kỳ đức ở chùa Kinh luôn tỏ tâm cung kính vâng thừa, đều sùng bái thỉnh Sư làm Bồ-tát giới sư. Những người thọ giới cụ túc sau này đều nường tựa mà yết-ma. Tả bộc Xạ Tiêu Võ là người có khí cục trịnh thuần sáng rõ, huyền phong bất động. Hình Bộ Thượng Thư Thẩm Thúc An là người ôn nhu thanh nhã, đạt tín thông thần, đều kính ngưỡng, vâng theo tôn thừa, ở đó hai năm. Sư định tuệ cả hai đều rõ suốt, Không Hữu đều chiếu. Hoằng pháp suốt bốn Triều Đại, chỉ chuyên theo Nhất thừa, mà chẳng đua tranh với vật tình, không tỏ bày sắc thái mừng giận. Nên cùng đi trong Đạo của Sư, chẳng ai lường biết được Quả vị của Sư.

Đến ngày mười hai tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm, thọ tám mươi chín tuổi. Đầu đêm sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Pháp Nhân rằng: “Các ông phải sống đúng

như Pháp, khéo tu ba nghiệp, chớ để một đời luống qua. Phải thuận theo lời Phật dạy, chớ biến đổi sắc phục, phô bày buồn thương theo sau tang ta, đó là việc không nên làm!” Sư bèn sửa sang dung mạo như thường, lắng thần nhập định, đến cuối đêm, an nhiên ngồi tỉnh mà thị tịch. Cảm nghe có mùi thơm lạ xông ngát phòng, bèn đưa tỳ đến chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam. Khi đó, lăm xe mang nhọc cụ, tăng tục hơn ngàn người đón rước đến phía Nam thành, lại nghe nhạc trời vang vọng giữa hư không. Các Hàng đệ tử, v.v... xây tháp gạch Chi-đề, khắc bia minh, do Lan Lăng Tiêu Quân soạn văn bia.

Ngài Pháp nhân là người ở Hưng nhân, từ thưở thiếu thời từng làm cung phụng, thân tâm thanh tịnh, tu hành niệm định, tánh luôn nhún nhường, có tiếng khắp trong đồng học.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Hạo trụ chùa Phương Đăng ở An Châu:

Thích Tuệ Hạo, người ở An Lục. Vào Đạo từ thưở nhỏ, có tâm lượng xa xăm, xem đọc nghĩa kinh, mở dẫn ở tâm. Ban đầu, thắm đượm Huyền cương, Sư mong cầu Đại Phẩm, rộng nghe, lược nghiên cứu, mà tình còn trở ngại điều chưa tỏ bày. Nhân có Pháp Sư Minh ở Bao Sơn, là người được phó chúc từ chùa Hưng Hoàng, ở đời tôn xưng là Dĩnh Tượng, khắp nước thấy đều chiêm ngưỡng. Nhân đó, Sư tìm đến theo học, thưa hỏi kính thờ không mỗi một, đầy đủ được sự lắng trong xa gần, bèn thành lan rộng, phò bộ to lớn, dồi dào hưng thịnh.

Năm ba mươi tuổi, Sư lên Pháp tòa dẫn dắt giảng nói, các bạn đồng tu cùng luận bàn, thọ nghiệp truyền đăng, phân phong theo hóa. Vì Dòng pháp chói rợp, thành cứu giúp đã nghe. Còn các xứ Mân lạc Tam ấp đang còn mê mờ trong màng lưới ở đương thời. Sư bèn dùng giáo pháp mở rộng dắt dẫn xa những điều chưa nghe.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, ở vùng Sông Biện thuộc Giang Hiệp, tuy gặp phải sóng gió, nhưng Sư vẫn gắng chí không ai vượt qua trước. Khi đã đến Đô thành, bèn mở rộng việc hoằng Pháp, y cứ vào miên tử, Sư tùy phương khai mở dạy răn, tự tăng chúng ở Ngọc Điệp thấy đều nhân đó mà được khai sáng, khói mây xông lên, khắp vùng thưởng vị chánh pháp mà thành ban giúp. Không sợ đi qua, cho nên khiến đến muện, hát ca khắp đường. Lại nhân chúng đông nên khô gãy phát sinh, Sư y cứ theo pháp mà trị, không có tâm che lấp. Bấy giờ hoặc có người không thể nghĩ nhớ như thế, bèn nghĩ tấu trình với triều đình rằng: “Sư kết nhóm đồ chúng ngày một đông nhiều. Tăng tục đông

đúc ủng hộ, nếu chẳng phải là dị thuật thì đâu thể được sự theo về của người đời như thế?” Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tra xét tận cùng, rõ bày sự việc chẳng thật, nên kẻ vu khống phải mắc tội. Sư chỉ vì Đạo do người mở mang, nghĩa phải biết trái lại, bèn xoay đường trở lại hướng Nam chỉ đạo ra Kinh Môn, đồ chúng theo học lại gấp bội hơn trước. Khi đã về tới quê cũ Sư chóng bày sự nghiệp trước, lại dần trải Lãnh điệp, lại mở Quan-kiền. Thần vọng càng cao, chúng tụ càng kết, khốn khó cho sự ồn ào đua tranh ấy. Sư bèn lánh xứ đi về phía Bắc Tây Sơn, bình lặng lui tìm nhàn ẩn, đào luyện Trung Quán, qua hơn năm năm. Đồ chúng lại nghĩ tưởng đến Sư, bèn tới Núi đón rước, thỉnh Sư về Ấp, truyền bá giáo hóa. Sư tùy nghi lợi ích, ý dẫn hạnh tàng, bèn trở lại chùa Phương Đăng ở An Châu, giảng nói nối nhau. Đến niên hiệu Thịnh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi bảy tuổi.

Từ lúc Sư là một trong hàng tăng, thì luôn tinh chuyên cố gắng dẫn đầu, thường ngày chỉ ăn một bữa. Hơn bảy mươi năm, hễ có được gì liền ăn, không chờ đợi doanh cầu, chẳng hạn định sớm trưa, hễ bèn thôi. Do đó khắp Phong Đô, Thục Bộ đều khéo che chở. Mỗi sáng sớm mọi người đến cúng dường thường đầy ấp cả cửa chùa. Sư đều bảo đưa vào của chúng tăng, không nhận lấy một thứ gì. Sáng sớm giảng xong, Sư xuống chỉ ăn một chén, ngoài ra, các thứ bánh trái đều về lại trong chúng tăng. Có học sĩ Đạo Cần thấy Sư gây yếu, sợ Pháp sự bị ngưng nửa chừng, nên bảo cùng ngoại chúng, khiến mọi người bày biện cúng dường càng nồng hậu. Sư lấy làm lạ về việc khác thường ấy, nên sư tra dò hỏi về nguyên do có các thức ăn uống, và liền đuổi Đạo Cần ra khỏi chúng, không bao giờ còn làm như vậy. Sư bảo rằng: “Vật thực tà mạng không thể thống ngự. Ông tuy nghe lời ta nói mà chẳng rõ hiểu yếu nghĩa lý giáo”. Sư gìn giữ tiết tháo, bảm thọ giáo Pháp đến như thế.

3- Truyện ngài Thích Pháp Tường trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đông Châu:

Thích Pháp Tường, người xứ Đông Châu, xuất gia từ thưở bé, Sư giữ chí thanh bần ít ham muốn, siêng năng tìm cầu học Đạo khắp nơi, không có chỗ dừng ở cố định. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư kính vâng hiến chướng, khắc ý răn sau, chuyên tâm nơi sâu mầu. Lúc Phật giáo, Đạo giáo đều bị phá diệt, Sư bèn theo tục, mà ôm giữ đức hạnh, giữ gìn kinh pháp, lễ tụng không ngừng nghỉ. Những vị có tiếng tăm chức phận đều kính chuộng, sắp tiến vị cống nhập vào Đài Phủ, mà chánh tánh Sư kính

mến Đạo, chẳng nghĩ tưởng đến vinh quang, bèn buông xả lập nghiệp, thấm nhuần mà thôi.

Đến đời Tùy, chánh pháp được phục hưng, Sư bèn dự vào xuất gia, trụ chùa Đại Hưng Quốc, chí tháo Sư ngài sáng, mở lời thì đơn giản chân thực, lập thân thì bất động trang nghiêm, không ở nơi chốn vắng lặng, thường ở trong phòng rộng mở thông trước sau. Hơn ba mươi năm, Sư giữ gìn đạo phong mà sống, tâm không lo toan, cửa chưa hề đóng. Ngồi nằm chỉ trên một giường ghế, thường chuyên đọc tụng Kinh Pháp. Kẻ tặng người tục đến thăm hỏi, tự chẳng đọc hết. Lại trang quyển bộ không liên quan lời, nên biết dung tiết, cuối quyển thân gồm, đều quán kỹ rồi sau mới kính vâng đối đáp. Sư ngẫm suy tư Huyền tịch, thường rộng gìn giữ, dẫn dắt chỉ bảo mê mờ, bày dụ không thêm lời trau chuốt.

Vì bị bệnh thương hàn, có người khuyên nên uống thuốc để chữa trị. Sư đều không nhận lấy, chỉ khổ nhọc công yêu cầu, tùy việc mà nghĩ lường. Hoặc có người sợ là Sư bị bệnh ly, Sư bèn bảo rằng: “Bệnh ly là nước, chẳng cần uống thuốc tự lành”. Sư bèn ăn cơm khô, vài ngày sau bèn lành. Sư gìn giữ tiết tháo bền bỉ, đại loại đều như vậy. Sư lại còn gìn giữ niềm tin, nêu bày nghi chí, chẳng giao thiệp với những người chơi bời, tự thân làm khuôn phép cho chúng, mở lời đều quy kính. Nên trong chúng có những điều trách phạt, Sư hẳn trước đến đó khuyên răn, nghe qua đều vâng phục, không còn oán hận. Đức hạnh Sư ngài sáng nhập thần là như thế.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh nhiều tháng không khỏi, khí trắng kéo dài suy yếu. Có người thị giả đứng tham hầu, Sư nói lời rất nhỏ là “Tượng Phật, Tượng Phật!” lời tiếng đã trầm ỉn, ban đầu mới nghe chưa rõ, sau suy nghĩ mới hiểu, bèn xoay lại nhìn thì thấy tôn nghi rõ ràng, trên bức vách phía Tây, ánh sáng rõ ràng đầy đủ, chỉ phút chốc liền biến mất. Lại nghe có mùi thuốc thơm phảng phất đầy phòng. Kẻ Tăng người tục đều kinh lạ ngợi khen. Lại thấy có một đàn chim hạc trắng từ phương Tây bay đến liệng vòng quanh phòng ba vòng, xoay vần qua lại mà đi. Từ đó về sau, chỉ một thời gian ngắn thì Sư thị tịch. Bèn an táng ở gốc phía Đông của thành. Mọi người tiễn đưa đầy đường xá thôn ấp, phước lọng phô bày dằng dặc, tiếng khóc than buồn thương vang vọng khắp xa gần.

4- Truyện ngài Thích Tĩnh Tạng trụ chùa Ngọc Tuyên ở núi Chung Nam:

Thích Tĩnh Tạng, họ Trương, người ở xứ Cao Độ thuộc Trạch Châu. Năm chín tuổi, Sư xuất gia, đến chỗ Thiền sư Thuyên Chùa Thanh Hóa, Thiền sư vì Sư mà làm Sư Chủ, dạy răn đến chỗ cùng cực, nương tựa đại mẫu.

Đến lúc tấn Đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư thích tư duy về Định nghiệp, thấu suốt u vi, tận cùng Tướng tông, Tông đồ có chỗ kết quy. Năm hai mươi ba tuổi, Sư phát thệ nguyện rằng: “Hàng Trương Phu xuất tục, tiếp nối giòng họ Thích, há chẳng muốn Nghĩa lưu truyền thiên hạ, danh xuyên suốt Huyền ban ư?” Vì ở Hương nương, có Đại đức Pháp sư Viễn được sắc ban đến trụ ở Kinh Đô để chuyên việc mở mang giáo hóa. Sư bèn đến nương theo. Song, chưa đến nơi, thì gặp phải sự thay đổi, nên chẳng toại bổn ý, Sư bèn đến khắp các Pháp tịch, tham cầu kinh luận. Đối với Nhiếp Luận, Thập Địa là chỗ Sư riêng tìm cầu. Sư lại trở về chùa Tịnh Ảnh, truyền bá các Pháp đã học.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư được thỉnh đến Hồng lô, dạy bảo Đông phiên. Các vị nghĩa Tăng cả ba nước, Lang lệ Cửu Di mới thắm đượm khuôn phép, được nhờ tiếp nối căn cơ. Sư tiếp hóa dẫn dắt, đều theo pháp huấn.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, có Thái Bộc Khanh Vũ Văn Minh Đạt là người xưa trước đã kính giữ cấm giới, cả nhà thỉnh nghiệp đến sánh với chiêu mục. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc sai Minh Đạt làm chấp tiết Chiêu Phủ ở phía Nam bắc cửa sông. Luân ngôn đã xuất, dùng việc dẫn đường. Sư đưa tiền mà nói rằng: “Thế giới Vô thường, Phật có dạy như thế. Đối khác gặp nạn, người dân xưa đã để lại lời ấy. Mong thường ở tại đây, kính vâng sắc tin tưởng nơi tâm!” Minh Đạt cho Sư là bậc sớm có dự nghe từng trải qua mọi sự kinh nghiệm, nên bái chào từ tạ mà thưa rằng: “Đệ tử vâng mạng, chẳng trái lại, cầu mong Sư thâm dẫn dắt soi chiếu hỗ trợ!”. Đến lúc vừa đến Tương Châu, quả nhiên bị giặc Vương Đức Nhân giết hại. Con của Minh Đạt tức là Thế Thọ tấu trình rằng: “Cha của thần vâng theo sắc chiếu, an ủi vỗ về rất mực trung thành với nước nhà, bị giặc giết hại. Nay thần muốn báo đáp Hoàng Ân. Ở Tán Cốc thuộc Lam Điền hiện có ngôi chùa xưa, mong được vì cha mà sửa sang dựng lập, và Độ hai mươi vị tăng.” Vua Cao Tổ hỏi Thế Thọ muốn làm chùa nào? Thế Thọ đem sự việc ấy thưa hỏi Sư. Sư bảo: “Trên núi này có Ngọc Nhuận, phía dưới có dòng suối chảy, có phải là “Ngọc Tuyền” chăng?” Thế Thọ tấu trình đầy đủ. Vua Cao Tổ bèn y cứ sự thỉnh cầu, liền thỉnh Sư đến trụ ở đó và chỉ huy tất cả các Đường Vũ, Lang miếu. Kẻ tăng người tục ở khắp xa

gần thầy đều đến núi yết kiến tập tu. Và đều để lại ở đó thuốc Pháp, an thời xử thuận, để trở lại tánh ấy.

Đến tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, nhân có việc vào kinh đô, Sư bị nhiễm bệnh thời khí, bèn thị tịch tại Kinh thất, thọ năm mươi sáu tuổi. Sư có đệ tử là Đạo Xán, noi theo khuôn phép Đạo phong, gìn giữ một Bộ Địa Trì, phu diễn hoằng hóa tại tâm. Nay hiện trụ ở chùa Chí Tướng ở Chung Nam, rất nổi tiếng ở đời.

5- Truyện ngài Thích Viên Quang trụ chùa Hoàng Long, nước Tân-la:

Thích Viên Quang, họ Phác. Vốn ở Tam Hàn - (tức Biện Hàn, mã Hàn và Thần Hàn, Sư là người nước Tân-la ở Thần Hàn). Gia đình nhiều đời ở Hải Đông, truyền thừa lâu dài mà thần khí của Sư ngời sáng, ưa thích Thiên Chương, khảo cứu Huyền Nhu, xét xem Tử Sử, Văn hoa bay vượt Hàn phục, rộng rãi dồi dào mà còn thẹn với Trung Nguyên, Sư bèn dứt bật thân bằng, phát phần cố gắng.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư nương thuyền đến Kim Lăng. Gặp thời nhà Trần hiệu xưng là Văn quốc, nên Sư được thưa hỏi những điều thắc mắc trước và đạo liễu nghĩa. Ban đầu, Sư nghe đệ tử của Mân Công ở chùa Trang nghiêm giảng. Vốn thẩm nhuần sách vở thế gian cho là vị thần có lý cùng cực. Đến lúc nghi được giải thích, mới đồng như rau thịt, hư tìm Danh giáo, thật sợ bờ mé sinh tử, Sư bèn đến tấu trình với Trần Chúa xin được quy hướng Đạo pháp và có được ban sắc chấp thuận.

Đã được như thế, lúc mới vừa xuống tóc, Sư liền thọ giới cụ túc. Sư vân du khắp các trường giảng, đầy đủ các gia mưu. Lãnh Điệp lời huyền chẳng rơi lạc khỏi cảnh của Sư, nên được các kinh luận như Thành Thật, Niết-bàn chứa nhóm bao gồm vào tâm phủ. Đối với Tam Tạng Số Luận là riêng chỗ Sư bày tìm. Sau cùng, Sư lại đến núi Hổ Khâu thuộc đất Ngô, duyên theo Niệm định không quên giác quán. Đồ chúng lắng tâm nhóm họp đến suốt rừng, đều vì bao gồm bốn Hàm, Công khắp tám Định. Bạn lành dễ phỏng hỏi, ống trúc khó trông nhìn, rất xứng hợp với tâm trước, Sư có sự lo nghĩ chung cùng. Liền đó, Sư dứt bật các việc, tham bái các Thánh tích, nhiếp tưởng trời xanh, xa hẳn cuối xưa. Bấy giờ, có gia đình Tín Sĩ ở dưới núi đến thỉnh Sư ra giảng pháp. Sư cố từ chối, nhưng Tín Sĩ vẫn khổ công cầu thỉnh, nên Sư bèn tùy thuận chí nguyện ấy. Sư khai giảng mở thông Thành Luận, chưa giảng về Bát-nhã, nhưng đều nghĩ rằng người tài giỏi thấu triệt, thưa hỏi

đổi đời, lại thêm Sư dùng lời trau chuốt, cấu kết từ nghĩa. người nghe mừng vui hợp với tâm phủ. Nhân đó, Sư theo cựu chương khai hóa thành việc chính. Mỗi lúc Sư xoay bánh xe chánh pháp thì liền rớt cùng sông hồ. Tuy là khác khu vực truyền thông mà gọi nhuần Đạo pháp, chóng dứt hiểm tặc, nên tiếng tăm Sư rộng lưu bày khắp lãnh biển. Mọi người vạch lùm cây rậm mang túi mà đến tiếp nối như vảy cá.

Gặp đến lúc Tùy Hậu ngự trị Thiên hạ, oai danh Sư càng vang đến nước Nam, trải cùng số ấy, Quân đến Đương Đô, Sư bị loạn Binh sắp giết hại. Có vị Đại chủ tướng trông thấy chùa tháp bị lửa cháy, bèn chạy đến muốn cứu chữa, nhưng hoàn toàn không có lửa cháy mà chỉ thấy Sư bị trói buộc trước tháp sắp bị giết hại. Đại chủ tướng lấy làm lạ, liền cởi trói và phóng thích. Sư gặp nguy ách mà c ứng cảm như thế ấy! Sư học thông ngôn ngữ xứ Ngô Việt, bèn muốn hoàng hóa ở đất Chu Tần. Niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (589) đời Tùy, Sư đến cung Vua, gặp lúc Phật Pháp mới hội tụ, Nhiếp Luận bắt đầu hưng khởi. Sư sử dụng văn ngôn, mở mang đầu mối, lại nổi danh tuệ giải, tuyên dự ở kinh đô. Tích Nghiệp đã thành, Đạo pháp ở phương Đông cần được tiếp nối.

Ở nước Tân-la Xa nghe tiếng tăm Sư, từng đến cầu thỉnh, Sư được sắc chiếu, thêm lời thăm hỏi, được phóng thích trở về Quê cũ. Sư trở về sau nhiều năm, mọi người già trẻ đều cùng mừng vui. Vua nước Tân-la; giòng họ Kim tỏ bày sự chí thành kính ngưỡng như bậc Thánh. Tánh Sư luôn giữ rỗng lặng, tâm thường trầm lắng, nói năng thường mỉm cười, nóng giận không lộ vẻ nêu Biểu Khải Thư qua lại Quốc mạng đều lưu xuất từ cõi lòng. Một bề kính vâng, đều dùng phương cách sửa trị, thưa hỏi về Đạo hóa. Có việc khác với áo gấm, Sư xin đồng với Quán Quốc, thừa cơ hội phô bày răn dạy, rữ ban khuôn phép cho đến ngày nay. Đến lúc tuổi già nua, Sư ngồi kiệu mà vào Nội cung, mọi thứ y phục thuốc thang vật thực đều do Vương Hậu tự làm, không cho kẻ khác phụ giúp. Lấy đó để chuyên tạo việc phước. Sư có được cảm kính, đại loại như thế. Trước lúc Sư sắp tịch, nhà vua đến bên cạnh an ủi. Sư căn dặn di pháp, gồm cả nói về cách cứu giúp dân chúng, ứng hiện điềm lành khắp cùng núi biển. Sư vì sự tạo phước suốt năm mươi tám năm đó mà không nhớ chút nào, trải qua bảy ngày, tha thiết răn dạy rồi Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại chùa Hoàng Long, thọ chín mươi chín tuổi. Lúc đó là niên hiệu Trinh Quán thứ bốn (630) thời Tiền Đường.

Ngày lúc Sư thị tịch, giữa hư không phía Đông Bắc chùa có tiếng âm nhạc vang vọng, mùi thơm lạ xông ngát chùa viện. Kẻ tăng người tục vừa buồn vừa mừng, biết đó là điềm linh cảm, bèn an táng ở vùng

ngoại ô. Triều đình cung cấp vũ nghi, an táng đồng như an táng vua. Sau đó, có thai nhi người thế tục bị chết. Tại xứ đó có truyền thuyết là nên đem đến chôn nơi phần mộ người có Phước thì con cháu về sau không dứt tuyệt, bèn lên đem chôn bên cạnh tháp mộ Sư. Ngay đó, tự nhiên chấn động thi thể thai nhi ấy ném ra khỏi phần mộ, do đó, mà không hư hoại. Mọi người càng thêm cung kính ngưỡng mộ.

Sư có đệ tử là Sa-môn Viên An, thần chí căn cơ bén nhạy tánh tình ưa thích xem khắp, ngưỡng mộ u cầu, bèn đi theo hướng Bắc đến Cửu Đô, xét cùng phương Đông chẳng nại, lại rảo khắp Yên Ngụy ở phương Tây, sau đến chốn kinh đô, thông rành phong tục các nơi, tìm các kinh luận theo vết Đại cương, ý chỉ suốt trong, về già Sư quy tâm học khuôn phép cao sáng. Ban đầu, trụ ở tại chùa Kinh, vì Sư đạo hạnh vốn có tiếng tăm nên Đặc tiến Tiêu Vũ tấu trình thỉnh Sư đến trụ chùa Tân Lương được xây dựng tại Lam Điền, cung cấp cúng dường bốn thứ cần dùng không trái với sáu thời. Ngài Viên An thường tiếp nối theo Sư. Vua nước Tân-la bị bệnh, trị liệu bằng các thứ thuốc thang mà không thuyên giảm, nên thỉnh Sư vào cung, riêng xét an đặt. Ban đêm riêng hai thời nói Pháp sâu mầu cho vua nghe, truyền thọ giới sám hối, vua rất tin vâng. Có một buổi vừa mới đầu hôm, vua thấy nơi Đầu Sư phát ra sắc mầu vàng rờn rực rỡ, có hình tượng Nhật Luân theo thân mà đến, các hàng Vương hậu cung nữ cũng đều trông thấy, do đó lại càng phát tâm thù thắng, khắc lại nơi chỗ bệnh, sau đó không lâu thì lành. Sư ở xứ Biện Hàn, Mã Hàn rất thanh hành mở mang Chánh Pháp. Mỗi năm lại giảng, thành tựu cho hậu học. Các vật do đùm việp cúng thí, Sư đều sung vào xây dựng chùa viện chỉ giữ lấy y bát mà thôi.

6- Truyện ngài Thích Hải Thuận trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu:

Thích Hải Thuận, họ Nhâm, người ở xứ Bồ Phản thuộc Hà Đông. Dung mạo Sư rất kỳ vĩ, tiếng nói trong sáng, lúc trưởng thành, mặt mắt Sư ít râu rìa, nghi phục chẳng phải như đồng bạn, đối với mọi người có khác. Ít ở trong nhung gấm, sống tại ruộng đồng, Sư sớm chịu tang cha nên cùng sống cô quạnh với mẹ. Tâm tình hiếu thảo, nhân ái chẳng do thầy truyền, tánh luôn khiêm nhường thẳng thẳng, riêng vượt hoài bão. Sư thường tự buồn nhà nghèo khó, không có vốn liếng để thọ học, nên đến tuổi có chí cầu học vẫn chưa được nghe. Sư bèn mạnh dạn già từ mẹ, rời khỏi thôn xóm, xuất gia cầu đạo, đến nương tựa Sa-môn Đạo Tốn, Đạo Quang, Huyền Trụ, tiếng tăm vang vọng khắp Nho Tông; thấy rõ ở truyện sau. Sư tự thân chuyên việc học lễ, ngày đêm tụng

kinh, nhờ lúc đầu không hề có lỗi trái, văn từ chẳng cần đọc lại, mỗi ngày gần ba ngàn.

Đến tuổi đang đàn thọ giới cụ túc, tiết tháo Sư càng vượt xa, Chí nghiệp rất mạnh mẽ, Niệm Định chuyên trì, thể không vết lụy, nhưng vì oai nghi thô tháo, thân lỗi có thể ngăn ngừa, nói cười dễ làm, lỗi miệng khó giữ, bèn nhân người khác bị hoạn mà im lặng không nói, Sư chỉ quét tước cửa thất, chuyên tâm mà thôi. Mới vì bắt đầu của học hạnh, lấy tuệ giải làm đầu, bèn đọc xem các kinh, vâng theo huyền Tế. Các Bộ Phương Đẳng đều bảm thọ từ Quyết sư, đều tìm cầu sâu mầu, nghiên cứu cơ yếu, quý lời lãnh ý.

Có Sa-môn Thần Tố ở chùa Thê Nghiêm, tánh thích ẩn cư vắng lặng, chuyên về Đại Luận. Sư thuận xa tiếp thừa điều kỳ đặc, nghĩ muốn gõ thấu xung quan, bèn mang rương tráp lên núi, hỏi tham các trường giảng. Đồ chúng ở đó đã đông, kính ngưỡng khác nhiều, có chỗ thừa hỏi câu chỉ được nêu bày cương yếu. Sư từng có lúc thừa hỏi, ít lấy làm nhiều, tuy có phần uất nhưng chẳng lộ bày ra hình sắc, mà nhọc tâm có thể nghiệm thấy. Sư lui khỏi chỗ ngồi, bảo rằng: “Xưa kia, Trần Kháng hỏi một được ba, ngày nay cầu một mong hai, cũng là vợi vàng hay sao?” Ngài Thần Tố hỏi rằng: “Vì sao cho là như vậy?” Sư đáp: “Một là thì thấy trái nghịch, hai là nghe nghĩa”. Ngài Thần Tố đã hiểu rõ điều Sư nói, nhân đó mà tự sửa đổi. Và từ đó, không nghi gì chẳng quyết đoán, có sự ngưng trệ thì tỏ bày. Còn như Tạp Tâm gồm ẩn đầy đủ trong Bà-sa, nghiên tinh chuyên nhất, trước sau đều gồm. Hoặc xuống núi khát thực mà cầm quyển bày văn. Hoặc mong ngóng đủ tiếp sáng, gá soi tìm đọc, không gì chẳng thông suốt, khai mở chỗ quan trọng, khéo xét nguồn cội sâu xa. Sư thường đem việc ở các chỗ khác nói với ngài Thần Tố rằng: “Hải Thuận tôi nhiều kiếp đã qua chẳng gặp được Hiền Thánh, xoay lăn trong năm đường chẳng thể tự ra khỏi. Đến đời nay sinh ở cõi uế, đối với phàm duyên này, chưa thể ra khỏi dòng sông Hữu Dục, lên bờ Vô Vi, đó chẳng phải do tâm bó buộc mất giây cương mà tối tăm lấp vùi nơi hầm hố ấy hay sao?” Nhân đó, Sư khóc than lệ trào ướt áo, sùi sụt nghẹn ngào. Sư lại bảo: “Mỗi lần nghĩ tưởng hai vầng nhật nguyệt giao vết, không do đâu mà ngừng dứt, ở trong sáu đường rong ruổi lâu dài, nghĩ trở về không có đường lối. Nói đến việc ấy càng có tâm lo sợ! Vả lại đời nay sinh được làm người, mở mang quên buồn bởi nghèo khổ. Xuất gia mở Đạo, tăng độ chẳng dễ đối với Công hầu. Hải Thuận tôi nay đều gồm cả, một đầu đáng vui mừng, hai vì ngôi nhà tăm tối lớn lao, mong được người cho đèn đuốc. Tuy không

đích thân kính thờ Như Lai mà may gặp được Pháp Sư, chẳng lường dây ngấn mà liền xét nguồn sâu, nguyện được gieo hạt ngọc sáng vào sóng cuộng hỗn đục, như vậy thì một đời có được, ngàn năm chẳng tiếc!” Sư bèn nói cười như thường, dung nghi tự nhiên. Ngài Thần Tố bảo rằng: “Dám nghe chí khí của bậc Quân tử, sợ chẳng xứng với Nhã hoại!” Ngài Thần Tô từ đó về sau thường thích làm việc chúng tăng, quả nhiên dừng ở trường giảng. Còn Sư thì cho rằng Chánh Pháp khó gặp, bèn mừng vui ưa thích thiên vị.

Có Sa-môn Đạo Kiệt là người tài giỏi, có đủ Định tuệ, mong cầu hâm mộ phong cảnh, bèn gửi thư đến Sư rằng: “Dám cúi đầu dưới cửa Pháp Sư, thường muốn lý tĩn nhiếp tâm, dốc chí ở chốn suối rừng. Chỉ vì đêm dài Vô minh nếu không nhờ đuốc tuệ thì chẳng nhờ đâu được soi sáng. Nương gá cậy nhờ Pháp diên, xem nghe huyền chỉ. Còn như người vật nhóm họp, phiền nhọc phải làm các việc, hưởng gì đại hạn cả trăm năm; thời gian ngắn chỉ trong một niệm. Nếu theo đuốc trước gió, đường trước làm sao tựa nương. Do đó ruổi ngựa mỗi mệt, tưởng xa muôn dặm. Cửa định mầu nhiệm, liền mong vào ngay, trái đó chẳng đợi, ích dụng bàn hoàn. Cúi mong khai mở tâm hàm dưỡng, dùng lễ đảy lùi người!” Ngài Đạo Kiệt được thư khen ngợi, tình Huyền bén nhọn đề xướng. Sư bèn đáp thư rằng: “Đường ngắn chẳng sống dây cương của ngựa giỏi, cây nhỏ đâu phải là nơi đậu nghỉ của Loan phụng, nên phải dẫn nước mà tắm gội cá bị cạn khô, giấu cánh mà làm bạn cùng Quả hạch, thoát khỏi thì không như thế. Mong không bỏ qua thời gian!” Sư được thư hiểu nhanh chóng, bèn không quả quyết thực hành, mà vì người cao chọn nhã tố. Tự trở về với chúng thanh tịnh, dứt bật giao du với người đời.

Từng có người nói chũng tánh cao thượng tổ nể vinh quý khoe khoang với Sư. Sư liếc nhìn, cười mà bảo rằng: “Ta thuộc giòng họ Thích còn lưu sót lại chút ngời sáng, là con của đấng Pháp Vương, còn phải khiêm nhường tự hạ mình, chẳng dám ngạo đối xem thường người khác, đâu mong như hạng người tầm thường, lại muốn cậy Quý lẩn hiếp con người.” Rồi Sư phủ tay mà đi. Nên các Kẻ sĩ xu thời xu thế đều chẳng đến nơi cửa Sư, còn khách trái tục đến rất đông nơi nhà. Mà đạo hạnh Sư thuần khiết, tánh ưa thích truy tìm tông tích. Sư từng chích máu rưới bụi cúng dường Xá-lợi. Và lấy máu hòa với mực viết giới kinh của bảy Đức Phật. Sư nghiêm khắc với chính mình, nghiên cứu tâm tánh đại loại đều như vậy!

Sư từng tìm Phó pháp Tạng truyền Thuyết, Như Lai nhập Niết-

bàn phó pháp kế thừa, cho đến các xứ Sư – tử, Kế-tân chúc lụy. Sách ấy văn từ sự việc rõ bày như gần với mặt mày. Do đó Sư buồn cảm khóc nước mắt như mưa, bảo rằng buồn chẳng bằng như các bậc Thánh, trội vượt trong trần tục này.

Sư lại thường vào lúc nửa đêm đánh lễ quy mạng Tam Tôn. Mọi người ở chung quanh gần gũi đều không nghe biết. Sư cởi áo nạp che phủ cho người rét lạnh, hoặc giảm bớt phần ăn giúp cho kẻ đói khát. Chí Sư ưa thích hoạt bát vui vẻ, không mong cầu, biết đủ. Có người tặng cho Sư áo gấm, Sư trợn chẳng để ý, từng thông dong bảo rằng: “Tự nhậm thì vui, mà không hề bắt buộc chúng sinh theo ta. Hễ theo vật thì khổ, nhưng không hề vì ta mà trái ngược với chúng sinh. Lại như, chim chẳng đậu nơi vực thẳm, cá chẳng làm tổ trên cây. Chưa hẳn đã hiểu tu đạo hòa nhượng, mỗi việc được sự thích nghi, cũng do ta chẳng đoạt Vinh thú của chúng sinh và chúng sinh cũng không thích làm nhục”

Sư lại có soạn “Tam Bất Vi Thiên” (chương ba điều chẳng làm) Một là ta muốn bỏ Văn học Võ, thân chết mà tiếng tăm vẫn còn, nghiền đá thông đường, cầu giếng suối chảy. Gan người ở trong thân ta, Kinh Kha rút kiếm, lông bèn bưng bàn. Không làm tức đã làm thì chẳng phải như vậy, e rằng hai con Hồ đấu với nhau, thế lực chẳng cùng toàn vẹn, còn nay tốt đẹp mà dứt bật oán trái về sau. Đó là trở lại dấu vết hoang sơ lối hẹp, dứt bóng ở Sài Môn, hai - là ta muốn cắt vế bằng dao, treo ở đầu ruộng nhà, thư đến thì sắc tuyết, điệp ánh sáng ngời, một mai chim Đại Bàng cất cao muôn dặm, chim loan bay liệng vòng quanh, dù cho biện tài vân du giảng nói khắp chốn Quân Vương thì Xe Cao cũng trở về thôn ấp, áo gấm lui lại với quê xưa, sợ rằng chim chết vì lông cánh, hoa lan bị ngắt lấy do mùi thơm, lồng chậu giam hãm, thức ăn ngon há là quý hóa, mỗi câu khó nếm. Do đó làm tổ cao nơi rừng chằm, hang sâu ở ao đường. Ba là ta muốn ngậm tài nuôi dưỡng Đức, vào chợ đến Triều, cả bốn chúng đều chiêm ngưỡng, ba hộc nương gá, nêu hình dẫn Thế, thân đạt danh vượt. Hòm đầy y phục thêu thùa, thức ăn có lấm ngọt ngon, cất cao Đàn sáo, ngâm vịnh lời ca, sợ bụi gá bám trên ngọn cỏ non, sương đêm gá đọng cành mềm, không qua khỏi sáng mai, chẳng vượt được gió sớm. Do đó trở lại tổn thương, vui cạn chỉ khổ lâu dài!” Sư thần ngộ xuất chúng, mở lời thành Văn lục. Soạn thuật biên tập mấy quyển. Bấy giờ, Chân Pháp Lăng theo thế tục ưa chuộng nịnh hót. Sư nói lời ý tứ dạy răn, hành giả cho là ngu. Từ ngữ khéo léo, người háo sắc cho là Trí. Chánh tánh của Sư liêm khiết, đến nỗi bị cơ hiểm. Nên xưa nay Sư giữ tâm trinh trắng ngay thẳng, ở chốn nguy ách mà chẳng

loạn, nhuộm nhiễm mà chẳng đen. Thật xứng đáng gọi là ôm hoài Đạo phong trong trắng!

Có Sa-môn Hành Hữu là người Chí hạnh nghiêm chánh, tài tuệ anh ngộ. Vốn kết giao với Sư. Nhân lúc bệnh tật, đếm thăm, Sư bảo: “Người trước có nói Cái học của người xưa là vì chính mình, còn cái học ngày nay là vì người, xét kỹ lời nói ấy thì đâu có đáng tin? Người đời gượng cầu hiểu biết mà chẳng muốn tu hành. Thường nghĩ đến lời ấy thật lấy làm buồn nghẹn. Tôi cho rằng giết phiền toái thì hết lằm hoặc, đâu phải chỉ chuyên nói kinh. dùng pháp độ người đâu hẳn cần phải lên toà cao. Trao cho Kẻ chẳng phải pháp khí thì luống mất công phu. Học chẳng đúng cơ, thì một đời tự nã hại!” Ngài Hành Hữu liền soạn “Luận Tức Tâm” để đáp lại. Sư bảo: “Đọc luận do em soạn, Lý như chưa hết.” Ngài Hành Hữu nói: “Luận Tức Tâm đáng lẽ ra phải có vài Thiên, nghĩa là: Hiển bày Quán chiếu, thuật nói chính tông, giải thích điều nghi, lập thành lý nghĩa. Chỉ vì, lý nghĩa cao vợi, văn từ sâu kín. Người đương thời chẳng thể nghe biết. Dung thứ cho ở bên bờ linh thiêng, giấu lớp vảy mà chưa tiến, xót xa thay chẳng gặp thời mới dứt bật dây đàn ngay đây!” Sư bèn nói lại về Di giáo, buồn than không thôi!

Trước kia, có sa-môn Tuệ Bản là vị tăng có khí lượng cao hơn đời, nghĩ muốn cùng Sư kết bạn tiết tháo ở chốn núi rừng. Nhưng gặp lúc Sư mới học hỏi chưa rảnh để đáp lại. Sư Tuệ Bản bị rơi vào thời thế, không lường biết được chỗ đến. Về sau, mỗi lúc Sư nghĩ điều đó, mở lời liền ứa nước mắt mà bảo rằng: “Bổn Công như cưỡi rồng mà đi, rửa chân vượt thoát ngoài mây. Ta tuy quyến luyến nhưng tự buồn vì thân bị buộc nơi huyên tục, thăng trầm khác nhau, luống gì buồn thương. Vã lại, quên nhớ nghĩ người qua lại, nơi triều đình chợ quán cũng giang hồ là cuộn tình sinh tử. Gá nghĩ nơi sâu thẳm giống như tự gông cùm, nếu như tánh ấy chẳng mất, thì ở bất cứ nơi nào cũng an!” Ngài được đặc mến tình là như thế.

Đến lúc bị bệnh trải qua nhiều năm, Sư tự biết chẳng thể thoát khỏi, bèn viết Di văn nhiều trang gửi cho các thầy bạn. Tuy thân hình Sư đồng như bộ xương khô đứng mà vẫn tinh anh ngời sáng hơn hẳn người khỏe mạnh. Có người bên cạnh hỏi về hậu sự, Sư bảo: “Lo sợ thân hình là vật dơ uest, tạm xả bỏ được là vui mừng. Chim cá không riêng, nước đất đâu kén chọn. Nhưng nhìn lại chỉ có người mẹ già duyên xưa nghiệp nặng, nay tưởng chừng không được gần gũi mà già biệt. Nếu vất bỏ hài cốt nơi chỗ khác thì nếu đến sẽ không được thấy. Có đốt cháy não phiền, chỉ chết chẳng tổn thương người sống, nên lời xưa đáng ghi chép.

Hải Thuận tôi đây tuy bất hiếu, song đâu dám vì thân mình mà hại mẹ ư! Đã báo thân không tự do, có thể nghiêng quan tài để chờ đợi!” Sư bèn bảo Pháp Sư Tố giảng pháp, lãnh ngộ vui mừng. Trong giây lát, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ ba mươi tuổi! Lúc đó nhằm ngày mười lăm tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiên Đường. Sa-môn Hành hữu soạn “Kỷ tri Sa môn Truyện”, ghi chép kỹ về việc ấy.

Ngài Hành Hữu hiện nay được thỉnh đến trụ chùa Hoằng Phước, được sung chọn vào việc dịch Kinh, nổi tiếng ở đời.

7- Truyện ngài Thích Đàm Tạng trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô:

Thích Đàm Tạng, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm thuộc Hoằng Nông. Gia đình nhiều đời giàu có, mà tâm Sư trong trắng tự xa lìa.

Năm Sư mười lăm tuổi, có thầy tướng chiêm đoán bảo tuổi thọ Sư ngắn ngủi, cha mẹ Sư rất buồn thương bèn về cưới vợ cho Sư. Vợ chẳng có tình ý, Sư nghĩ lo có sự bức ngặt, bèn trốn đến đầm Vong Sơn. Chỉ nhớ nghĩ ai là người đưa mình đi đến chỗ hoang vắng. Sư cất bước đó đây mà chẳng biết đi đâu, chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, lâu sau, gặp được một người dung mạo đen tối mà lùa hai con trâu. Nhân đó hỏi chỗ nào có thể dừng nghỉ qua đêm được?” Người ấy bèn bảo với Sư rằng: “đi về hướng Tây có một ngôi chùa, cách không xa sẽ tới”. Sau đó, nghe có tiếng chuông, bỗng nhiên thấy có ngôi chùa. Nhân đó Sư vào xin xuống tóc, bèn toại nguyện bốn tâm, và liền bảo Sư đi ra ngoài cửa, cách chừng trăm bước, Sư xoay đầu nhìn lại thì không thấy ngôi chùa đâu nữa. Lâu sau thì trời sáng hẳn.

Sư rong ruổi tìm đến Lũng Thượng ở phía Tây, chỉ lấy việc cầu pháp làm chính. Về sau, Sư trở lại Kinh Ấp, trụ chùa Kỳ Thiện, hành đạo thọ giới, nghe giảng các kinh luật, mà ý Sư vẫn còn có chỗ mờ tối. Sư lại đến Sơn Đông, các Sư ở đó đua nhau giữ Sư lại để đối giảng. Với các bộ Địa Trì, Thập Địa, tên gọi Sư đều nghe. Sư đi về hướng Đông thì dần dần đến tận bờ biển, phía Nam thì thấu cùng Hoài phục, nghe đến chỗ cùng cực, không cùng như đồng bạn. Đến lúc, Sư trở lại Kinh đô, trụ chùa Quang Minh, giảng luận mới lạ, tiếng tăm vang khắp cùng. Khi Hiến Hậu qua đời, Sư lại được thỉnh đến trụ ở chùa Thiền Định. Tánh Sư độ lượng rộng rãi, phong thái khuôn phép trang nghiêm. Nên khiến kẻ tăng người tục thấy đều tôn sùng kính ngưỡng, đáng là bậc lãnh tụ giềng mối. Sư thường chuyên việc tiếp đối, tân khách ngồi trên chỗ tốt, lại tài năng khéo giỏi bàn nói rộng rãi về việc đời, thấy như hiện tại.

Đến lúc nhà Đường ngự trị thiên hạ, xây dựng chùa Hội Xương, lại thỉnh Sư làm Thượng Tọa. Sư vỗ về điu dắt người lớn kẻ nhỏ, rất có Kỳ công. Đến niên hiệu Trinh Quán (627..) thời Tiền Đường, khai mở công việc phiên dịch kinh điển, lại thỉnh Sư giữ chức vị chứng nghĩa. mọi người lúc ấy cho rằng Sư oai dung lắm liệt, khí độ cao xa, nghi mạo trang nghiêm, đáng thỉnh làm chủ chùa Hưng Thiện. Sư rất ôn hòa lễ nhượng, dùng để khai mở con đường, Hiền thiện, bèn đề cử Pháp sư Nhuận chùa Hóa Cảm ở Lam Điền, liền y theo lời Sư nói mà cử xứng lời đề nghị ấy. Đến lúc Hoàng Trữ mất thống ngự, bèn thỉnh Sư vào cung, cầu xin thọ giới Bồ-tát, qua hôm sau liền lành mạnh. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tặng Sư mấy trăm xấp lụa, y phục cũng vậy, và độ cho ba ngàn người, đồng thời xây dựng chùa Phổ Quang. Sau đó vua lại ban sắc hỏi Sư có được từ xa thọ giới Bồ-tát chăng? Sư đáp: “Trong Luận Địa Trì nói “Nếu nơi không có giới sư, người phát khởi thệ nguyện rộng lớn liền đắc giới Bồ-tát”. “Nhân đó, Sư dâng trình luận văn. Vua lại ban sắc đem văn từ sám hối, bảo Sư bày đọc. Đến khi Hoàng Hậu bị bệnh, lại thỉnh Sư vào cung. Sư vốn bị bệnh ở lưng và chân, nên Vua ban sắc đưa kiệu đón rước Sư vào Tẩm điện để thọ giới Bồ-tát. Ban tặng Sư rất nhiều đồ vật, và Sư đều sung vào việc tu tạo công đức.

Đến ngày mười tám tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Xương, thọ sáu mươi chín tuổi. Tang buồn cảm động cả hai cung, điều tặng lẫn lượt. Vua Cao Tổ ban sắc an táng tại thôn Nghiêm ở phía tây ngoại ô. Xây tháp đồ. Đông cung Chiêm Sự Lê Dương Công Vu Chí Ninh soạn văn bia, dựng tại tháp.

8- Truyện ngài Thích Thân Huýnh trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô:

Thích Thân Huýnh, họ Điền, người xứ Lâm Tấn thuộc Bằng Dực. Thưở bé, Sư đã đĩnh ngộ vượt trội, Sư già từ ân ái, xuất tục. Xa có tâm rộng lớn, trải qua đủ thứ gian nan và vui thú. Hởi đạo ở Hải Tây, bao gồm chỗ sâu mâu, rộng rộng ba tạng, nghiên tìm Bách gia.

Chưa đến hai mươi tuổi, mà Sư đã chứa nhóm làm sắc thể chim Hồng. Tuy rộng thông các kinh luận, nhưng nổi bật là pháp Đại thừa, còn như Sư soạn các lời tựa, chú giải các kinh văn, Thiên Chương Minh luận, cả thảy có hơn bốn mươi quyển. Vào tháng ba mùa xuân hằng năm, Sư vân du khắp chốn nham a, đến đầu mùa Hạ mới trở về Kinh Ấp. Những người săn bắn chài lưới đọc thiên vị Danh, dần dần điều hòa sự ngang bướng lấy đó làm hoài bão để bỏ sự cao ngạo. Lại bỏ sự

đưa bốn hài hươc, biện giải điều thuận trong ngoài, lãn hiệp đồng bạn, khoe mình tài giỏi. Nên khắp Kinh ấp đều suy tôn, các hàng Vương hầu thấy vái chào kính ngưỡng. Lại nhân những lúc nhàn rỗi, Sư du lịch đến Tỉnh Đài, dự là Văn Hùng, thông danh yết đối, hoặc bàn luận đầu mối Nho Sử, hoặc khai ngộ huyền Tông, mặc tình ưu du, cũng là vị cao tăng tài giỏi ở cuối đời, cho nên các bậc Anh tài tuấn tú khắp các xứ Hoa Nương đều lấy đó làm lời đồn rằng: “Đại Luận Chủ là Thích-ca, Pháp giới Đa-la Thần Huýnh một thời dất dấn”. Vì những lúc Sư dựng lập Luận nghĩa thì có năm, ba người vấn nạn, sau mới gồm thông. Sư ôm giữ mục đích ấy.

Niên hiệu Đại nghiệp năm thứ mười (614) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ chùa Thiên Định. Sau đó, Sư lại vâng chiếu của triều đình mà đến Hồng Lô, giảng nói Đại luận, dạy răn khai mở các Phương Sĩ ở Tam Hàn. Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, Sư đem chánh Đạo làm chỗ kết quy, chuyên làm khuôn phép, Sư bèn ôm tích trượng vân du các xứ Dung Thục, hoằng hóa khắp Mân Nga. Các hàng tăng tục, đều kính thành không đâu chẳng như gió thổi rạp cỏ, dòng pháp cuộn cuộn chảy đến sâu rộng.

Đến ngày mồng một tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Pháp Tự, thọ sáu mươi lăm tuổi. Cả bốn chúng đều buồn thương, buồn vì dòng pháp ứng hiện chưa bao lâu mà đã kết cục, vốn có hoài bão chẳng xoay chuyển. Các hàng Quan thứ sĩ tục ở Ích Châu, cho đến đồng thuyền liệt đạo, tranh nhau tìm đến chỗ an táng, cờ phướn trắng xóa đầy đồng, khói hương xông ngút giữa hư không, muôn kẻ gào thương tiếng động đất trời. Trà-tỳ ở phía Nam cầu Thăng Thiên, đó là vâng theo di lệnh.

Sư có đệ tử là Sa-môn Huyền Sát thâm nhứt phần di cốt còn lại để cùng Tần Trung, và các bạn đồng học như Sa-môn Huyền Cứu v.v... đem về phía bắc chùa Tiên Du ở núi Chung Nam mà xây tháp thờ. Ngài Huyền Cứu soạn Văn bài minh nơi tháp. Tình ôm hoài trong trắng, chí vốn vui thích chốn suối rừng, rất giỏi về Thiên Thập. Bảy giờ gặp được Tinh việt Học Văn, mọi người đều kinh ngạc tài hoa bén nhạy của Sư. Chưa lập mà thị tịch, buồn thương tài phủ.

9- Truyện ngài Thích Tăng Phụng trụ chùa Định Thủy ở Kinh đô:

Thích Tăng Phụng, ngài giòng họ Tiêu. Lương Cao Tổ là Tộc Tổ của Sư. Ông cố của Sư tên Ý làm Thị Trung Tuyên Võ Vương thời Nam

Lương, Ông nội Sư tên Quĩ, làm Minh oai Tướng Quân Phiên Ngung Hầu thời nhà Lương, Cha của Sư tên Trương, làm Chiêu Viễn Tướng Quân Tân Xương Thư thời nhà Trần.

Sư vốn từ giòng tộc trụ thanh hoa, phong vọng sâu xa, đặt tình rộng lớn, lập nghiệp cao vợi. Xưa, Sư có chí học, Sư có được thông tuệ sớm phát, văn bút từng rạng ngời, tiếng tăm vượt trội, soạn các tạp văn có hơn trăm bài. Gồm suốt vượt hẳn rừng Nho, nên các hàng thức giả đều đọc tụng. Và hẳn sớm lên Diên dự, khiến vang vọng khắp chốn kinh đô.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, có Pháp sư Tăng Kiệt là bậc danh vang khắp năm Đô, học cùng tám tạng. Sư bèn vững tâm cầu đạo, quy tông sư truyền. Ngài Tăng Kiệt xét thấy Sư tinh sáng, khí lược cao thượng, bèn truyền trao chân thừa, giảng nói sự sai khác của Thập Đẳng, đem huyền biện mà dẫn dắt, ít lập vị của tám thế. Sư nhã có sâu đạt, lãnh xem không xót, bay cao xa vợi so với đồng bạn. Ban mạng có hoài bão như Tiên đạt. Bấy giờ, Luân Tướng Cố nói rằng: “Sư vượt công gấp bội, nghe đó ở người xưa, băng lạnh trong dày, nghiệm ở ngày nay!”.

Gặp lúc Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy, có mưu đồ, trải qua thử thách các Hoàng Đạo. Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, đóng đường Nam Giao, Văn vật hưng thịnh một thời ngàn năm ít có. Vua muốn dùng Quân oai Đế nghiệp khơi động Quỷ thần, bèn trang sức cờ vàng, khắp bày lông trắng. Giáo mác sáng ngời giữa ban ngày, trường võ đàn đầy sông. Các hàng Tăng tục đến đông đầy nơi Triều Đường. Vua Dương Đế ban sắc rằng: “Quân của nước nhà có dung nghi, hoa di không biến đổi. Tôn sùng chúa thượng xa còn Danh thể. Giúp sinh thông vận, Lý số có cơ nghi. Tam Đại treo nơi Lão Tông, Lượng giáo lập ở Thích phủ. Điều cách ban trải đã lâu, làm sao mà chống lễ?” Các hàng sĩ tử Hoàng Lão vâng thừa sắc lệnh cúi bái. Chỉ có các vị Sa-môn trong Phật giáo vẫn đứng sừng sững nhìn nhau. Khi đó, Sa-môn Minh Thiệm dẫn trước ra đáp chiếu, đầy đủ như ở Biệt truyện, nhưng sắc lệnh luôn thúc giục bảo “vì sao không lễ bái?” Khi đó, Sư đang là tự chủ chùa Sùng Kính, y theo lệ mà bị tìm đến. Sư bèn đi thẳng đến, viện dẫn kinh luận, nói rõ lý không thể kính trọng. Vua càng thêm thấy rõ việc chống lại sắc chiếu của Sư và Ngài Minh Thiệm. Thật có thể gọi đó là như Lan Cúc mỗi loài tự chiếm lấy anh hoa của chính mình. Trúc bách cùng phô bày trình tiết, không thể tước phá! Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiên Định được xây dựng. triều đình lại ban chiếu

nhóm họp, kết lập đạo tràng, lần lượt giảng giải, mãi đến lúc tuổi già, Sư đã dẫn an cơ yếu, nếu có người vấn nạn mất đầu mối, Sư hiển bày luận bàn thì liền trở lại.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627....) thời Tiền Đường, Phật Pháp trở lại hưng thịnh, đồng xanh có dơ uế, đầu bạc do đó càng nhiều, nếu chẳng là người thống lãnh bao gồm thì không do đâu mà mở mang hộ trì. Trung thư Xá nhân Đố Chánh Luân được ban sắc trông coi Chưởng thống xem xét, Quản hạt tấu trình thỉnh Sư đảm nhận chùa Phổ Tập, sau đó lại chuyển lên làm Thượng tòa chùa Định Thủy. Sư dẫn dắt cả hai chùa, sinh hoạt không vượt ngoài Lục Hoà, khéo thấu đạt tâm của đại chúng, mừng họ đều kính ngưỡng mà dừng ở. Đến năm bảy mươi tuổi, Sư lại càng thành thật cùng cực, ràng buộc trần cảnh, phóng khoáng núi rừng, nói hiểu cùng tuyên, việc cuối hoàn tất.

Có Chư tăng chùa Long Cung ở Tây Sơn thuộc Kỳ Châu, từ xa đến thỉnh Sư giảng Thâm hạnh tố tâm. Sư tiếp thừa đó, bắc trái với Tầng Nham, phía nam với Thanh vị, gương đá ngời sáng giữa ngày, lưới thông cao vút giữa hư không. Sư vui sướng với u tình, liền nương đó mà đến. Sư mở rộng Pháp Quán, dẫn dắt theo vết tuệ, giúp cho kẻ tăng người tục vui sống lại với điều được nghe chưa từng có. Thế rồi vào giữa đêm khuya, Sư buồn cảm, thường giữ chí với lời nói trước, buồn thương tăng thêm càng xa tưởng. Đến ngày hai mươi ba tháng mười hai năm đó vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Khi cơn bệnh đã trở nặng, Sư vẫn còn hoằng Pháp, tình sáng không biến đổi, Sư bèn dốc hết sức lực trong lúc bệnh, ngồi dậy bảo rằng: “Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lời thọ Ký cuối cùng là phải dùng một để giải thích chung nhiều niệm.” Và Sư bèn đối trước đại chúng mà khai giảng. Khi xuống tòa Sư vẫn an nhiên, sau đó thị tịch tại chùa Long Cung, thuộc huyện Trần Thương. Các hàng Sĩ tục Quan thứ đau nhói tim gan, bức rức cả đầu. Đến ngày an táng, bày tỏ vết tích, thiêu mục đầu còn thấy được, bèn đón rước linh cốt đến gò Bắc phía ngoài huyện, đục hang đá mà tôn trí, xây tháp trắng. Hoa lau nở trắng xoá, mọi người đến chiêm ngưỡng, thấy đều buồn khóc.

Sư có vị đệ tử là Sa-môn Pháp vị, tiếng tăm học hạnh sớm vang xa, nói hiểu cao xa. Vì ngày Sư thị tịch khó báo bổ anh thanh để lấp khóa bụi trần, nếu chẳng nhờ trình bày thì do đâu mà giữ phép, bèn lập một tấm bia tại chùa Định Thủy, trình bày về khí tiết của Sư từ xa xưa. Văn đó do Tả Bộc Xạ Yên Quốc soạn. Chỉ có Sư là người lập Tánh nghiêm trang, khí tiết vượt hơn mọi người, nói lời sáng ngời, hiểu

vượt rào theo. Sư chuyên lấy Bát-nhã làm ruộng tâm, Niết-bàn làm đất ý. Sư giảng Kinh Pháp Hoa có hơn trăm biến, Và cũng là một nhà soạn số giải. Ngoài ra, các kinh luận khác, Sư đều tùy thời mà nêu. Mới đầu, Sư đến Tây Sơn, có lưu lại vết tích, số có kể lại độ xa đó, phần nhiều vì các duyên khác. Vừa đi đến chùa ấy, nhân đó mà không trở lại. Sư ưa thích ngày biết được mạng mình, chẳng lấy gì thêm nữa. Nên trong phần kệ cuối di văn, Sư viết rằng:

*“Khổ thay, nữ đen tối! Vui thay Trời Công Đức!
 Người trí đều chẳng thọ Kẻ ngu nhận cả hai
 Ta vâng lời Phật dạy Nương tựa trước Di-lặc
 Nguyện tuyên dương Đại thừa Thành tựu Na-la-diên.”*

10- Truyện ngài Thích Đạo Nhạc trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô:

Thích Đạo Nhạc, họ Mạnh, người ở xứ Lạc Dương thuộc Hà Nam. Gia đình nhiều đời theo Nho Học, chuyên giữ hạnh nghiệp. Năm chín tuổi, Sư đọc các sách Thi, Dịch, Hiếu Kinh, rất thông minh, nhớ dai, vượt trội hơn bạn bè. Cha của Sư tên là Hạo, làm quan ở thời nhà Tùy, giữ chức Lâm Truy lệnh, tiếng tăm sửa trị vang xa. Có Ẩn Sĩ Tây môn Nghĩa là người thông hiểu mọi vật, ở ẩn nơi chốn hang núi. Trước sau bảo thỉnh mà chẳng thể đến. Đến là bước từ Sơn A tới nơi Phủ Xá. Cha của Sư bảo cùng Lệnh Hạ Lại rằng “Tây Môn Nghĩa cố báii yết, vội vàng vì ta nói”, liền nghe việc ấy khiến cho vốn kính ngưỡng cao phong lại sợ hãi nhóm họp dừng ở. Cha của Sư mời Tây Môn nghĩa vào chỗ ngồi và nói: “Đạo của tiên sinh quật khắp tam cổ, Đức trọng cả bốn hạng dân, sao lại có thể xem thường mà nêu như thế?” Tây môn Nghĩa nói: “Tôi từ thuở bé đã trôi nổi, đến nay tuổi xế chiều, vốn không muốn liên can đến việc đời. Có tâm thành tựu, buông bỏ điều trí, Cổ họng nhả tiếng đã tĩnh lặng, thì tốt lành ngay chữ Dân, năm chiếc khố nhóm thành câu vè, hai kỳ thành ngâm vịnh. Có cái mừng, mỹ hóa, nên chẳng vì giấu ẩn tự riêng. Dám bắt đầu từ việc ấy, khiến thuật chẳng kịp. Hỏi về thuật sửa trị thì đối đáp như thần, tình đều tỏ sáng. Cha của Sư bèn bảo các người con là Thiệu, Tục, Tích, Khoáng, Nhạc và Lược đến trước mặt Tây Môn Nghĩa, nhờ Tây Môn nghĩa xem chỉ tay. Tây Môn Nghĩa nói: “Sáu người con của Phủ Quân thật là bậc Vĩ Khí! Ba người con lớn sẽ đảm nhận các chức vụ nơi Châu huyện, giữ gìn gia nghiệp y nhiên, còn ba người sau chí khí xa vời, đức hạnh cao cả, nghiệp tâm thần đạo, cầu hiểu ngoài lời, nên Sư hạn cuộc trong thế gian chẳng thể bàn nói được!”. Năm mười bảy

tuổi, Khoáng, anh Sư được xuất gia, tiết tháo hạnh nghiệp bền bỉ, chí khí trong sáng, giỏi về Đại Luận và Tăng-kỳ, thấy sâu về Không Hữu, Đồ chúng có cả trăm vị, thiền quán rõ ràng, tích vật cao xa. Đó tức là Pháp Sư Minh Khoáng chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương.

Còn Sư năm mười lăm tuổi xuất gia, làm đệ tử Pháp sư Tăng Xán, ít thích học hỏi, thấy kinh luận thì vui mừng. Đến lúc thọ giới cụ túc, với các thiên cấm, Sư càng chuyên chú luật bộ, chỉ lối trì phạm, tánh chẳng bàn việc trái quấy. Thể mạo Sư khôi ngô tuấn tú, phong thái tiết tháo cao vợi, dung chỉ trang nghiêm, chẳng giao tiếp bữa bái với các hàng Đạo tục. Sau, Sư lại tập học các Luận Thành Thật, Tạp Tâm với hai Pháp Sư Chí Niệm và Trí Thông, đầy đủ thấu cùng nguồn ngọn, từ nghĩa đều thông suốt.

Có ngài Đạo Ni ở Cửu Giang là người khai sáng mở mang Nhiếp Luận, khắp trong nước đều biết tiếng tăm. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, từ Dương Đô đến hóa độ ở Kinh Liễn, thừa tiếp Đạo nghiệp của ngài Chân Đế, nương gá truyền trao tiếng thơm. Sư nhân đó theo thọ học, ngày một thấu hiểu sâu xa, vì chúng nhóm họp mọi việc, bỏ phế việc tu tập, Sư muốn đến trụ chùa Thái Bạch tiếp tục sự nghiệp xuyên suốt. Bấy giờ, chùa Thái Bạch có ngài Tuệ An là người lỗi lạc, biết nhiều Thế số rộng lớn, một chữ phương trượng chỉ vuông một tác mà có đến ngàn văn, rất giỏi y thuật, riêng luyện Kinh Đạo, mỗi ngày đi bốn trăm dặm, đồng như Khoa Phụ. Người đời gọi đó là Trường Túc An (ngài Tuệ An chân dài). Sư vừa là bạn mà lại gần gũi, nên bèn tìm đến và tỏ bày nỗi lòng, Sư nói rằng: “Học biết Tỳ-đàm, Thành Thật chẳng phải là tốt. Luận Nhiếp Đại thừa mới là Thanh vi, được truyền từ Ni Công mà người nghe nhận lại ít. Nay theo vật hóa, tinh ích không theo, giữa đường bồi hồi, làm sao thích hợp! Xưa kia Bồ Tát Thiên Thân soạn luận Câu-xá, Ngài Chân Đế phiên dịch luận ấy, truyền bá đến xứ này, tình gửi ở đây”. ngài Tuệ An bảo: “Mong nghe chí nguyện ấy!” Sư nói: “Tôi từ trước học các bộ đều là chỗ hoằng truyền của người xưa, lưu truyền Pháp vị rộng khắp, chưa hết về sau. Chỉ vì Luận Câu-xá không giải, thì do đâu mà kết ở tương lai ư?” Ngài Tuệ An bảo: “Chí ấy không đoạt mất, nghiệp này thành tựu!”.

Sau đó, Sư đến trụ chùa Minh Giác ở Kinh đô, đóng cửa vắng lặng, tìm xem Luận văn, tự đọc Văn từ bèn thấu suốt nghĩa. Suốt thời gian năm năm nghiên tầm, chẳng ra khỏi phòng, chỉ trừ ăn ngủ, còn không lúc nào nhàn rỗi, bèn được tỏ ngộ, tự nhiên khai phát thông hiểu nghĩa rộng. Còn như ngoại nghĩa phục văn, không sở giải thì chẳng thể

hiểu rõ, Sư nương vào Tam Tạng bốn nghĩa đều ghi chép từ Phật Giáo phương nam. Sư suy nghĩ thấy lời ấy nhọc ghi chép về mộng my, bèn dứt lớt các thương khách theo đường phía Nam. Đã cậy sự trông mong quý trọng ấy nên ở chỗ truy tìm, quả nhiên tại chùa Hiển minh ở Quảng Châu có được bốn số luận Câu-xá và mười tám Bộ ký, đều là bút tích của ngài Trí Khải. Sư đích thân tiếp thừa khẩu truyền từ ngài Chân Đế, Chùa Hiển Minh là nơi ngài Khải Công an trụ. Sư có được bốn số ấy, rất vui mừng kính ngưỡng, đọc tụng trầm tư, quên cả ăn ngủ. Sư bèn trở lại chùa Thái Bạch, quyết chọn Chí trước, đối với mọi việc vui buồn thấy đều dứt bật, chỉ chuyên nghiên cứu tìm xét, mọi sự ăn mặc đều do ngài Tuệ An cung cấp. Bấy giờ, gặp lúc vật thực không được dồi dào, sắc thái tương quan lẫn nhau, Ngài Tuệ An bày nhiều việc kinh doanh để khỏi phải thiếu thốn. Trải qua nhiều năm, quyết chí Sư càng lớn mạnh. Bên trọng ngài tự hổ thẹn với chính mình nên mới nói lời tri ân với ngài Tuệ An rằng: “Đạo Nhục tôi rất ngu dốt, chỉ riêng học nhiều nên trở thành lầm lỗi. Tôi chẳng lượng sức, muốn tiếc không có phần, đó là điều không thể được thứ nhất. Ăn là gốc của người Dân, danh nghĩa làm thật khách, nếu cầu tiếng tăm luống dối thì làm khổ nhọc bạn Đồng tu. Đó là điều không thể được thứ hai, lỗi ấy rất lớn. Thật có thể lùi vết nổi chìm, lại nhọc lắm phiền lụy, cho nên không thể được!” “Ngài Tuệ An bảo rằng: “Công nghiệp sắp thành, mong không có chí khác. Mừng được tái ngộ không nghĩ lo riêng.” Lại kéo dài thêm hai năm, mới ra khỏi núi. Sư bèn đem chỗ tìm biết của mình, cùng khai mở tuệ nghiệp. Sư vân du các trường giảng thanh luận chẳng cùng.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ Đạo tràng Đại Thiên Định, nay tức là chùa Đại Tổng Trì. Năm đó, Sư ba mươi bốn tuổi. Tuổi trẻ thành khí, người trước chẳng bằng. Thời ấy, tăng chúng có hơn ba trăm vị. Khiến nghe phong quy, cùng suy tạ nhau. Từ đó về sau, Sư rất nổi tiếng học không theo thầy. Tuy muốn mở mang truyền bá nhưng chưa được chấp thuận. Bấy giờ, có các sa-môn Đồng Đức như ngài Pháp Thường, Trí Thủ, Tăng Biện, Tuệ Minh, v.v... đều là những vị tiếng tăm vang vọng, mọi người đều biết, cũng vì dẫn trọng, lập ra thỉnh chủ, Sư nhún nhường ẩn tàng chí khí, từ chối các sư trao, luống lụy thanh ngôn, hổ thẹn sự sơ lược. Các Ngài Tuệ Minh, v.v... đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cất tiếng nói rằng: “Sao Pháp sư lại thối từ? Chúng tôi tình đồng như nước với sữa, nghĩa kết cùng thành. Bít ngăn đức hạnh đối đời thời cơ sợ trái với Linh giám! Lại nữa, Đời người thoáng qua vùn vụt, thời gian chẳng trở lại, mong chẳng lụy nhau!” Sư

nhìn lại các ý, chính là bước lên đầu tiên, dùng bản số trong Tam tạng phán thông Câu-xá. Các hàng Tiên học Hậu tấn chuyên tâm nghiên cứu luận khác, đều bảo rằng: “Văn từ ấy ý chỉ rộng lớn sâu kín, học trái với thầy trò, dù đạt đến một sớm nhưng thật tự là xằng bậy. Cần phải xem xét đầu mối đàm luận ấy, được mất đến như vậy.” Sư tự nhìn lại Thỉnh Chủ, hờn tống ban đầu không khiếp sợ. Nêu giềng mối, chỉnh đốn giềng mối, Đại nghĩa ở đây thông suốt. Tuy tranh luận bén nhọn, mà hưởng ứng theo sai khiến, mọi người đều chẳng nhận biết cửa ngõ, cho nên vô lý, đốn liên từ. Do đó tiếng tăm Sư chấn động cả Học tông, Pháp Diên kế tịch. Các hàng tuổi lớn Hiền lương đều suy tôn Sư.

Vào những năm đầu niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Sư từ hang Nghiệp Lam cảm hóa bên cạnh chùa, hang núi nhỏ giọt nước sữa, Sư đến hứng được hai thăng, thì giọt nước cao bèn dứt bật. Sư bèn nói rằng: “Ta không chiêu cảm!” Nền khiến liền chảy, bèn đem nước cạn rót nhỏ giọt xuống nước sạch. Nhất tâm niệm tụng, mỗi ngày lấy một thăng, trải qua sáu mươi ngày, hoạ hết nước mới trở lại. Lại sang năm sau (619) vì Tam Tạng bốn số Văn Cú rất nhiều, người học nghiên cứu khó có thể xem rõ. Sư bèn lấy bản của Ngài Chân Đế làm gốc, ngoài ra bày chung thành Thiên Chương, phải ròng rã hơn mười năm mới khắc thành bộ, tất cả có hai mươi hai quyển, giảm bớt so với Bốn số đến hai phần ba (2/3) đều khiến bao gồm khắp cùng văn từ ý chỉ, bỏ chữ còn ý. Lại gồm soạn mười tám bộ luận số, lưu hành ở đời, lấy đó làm khẩu thật.

Lại nữa, ban đầu, tại nước Bình Trịnh có Pháp sư Tông là bậc Thần biện tài giỏi, khác lạ ở đương thời. Hoàng thượng (Vua Cao Tổ, Lý Uyên thời tiền Đường) thỉnh Sư vào nội cung, lập nghĩa Tam Tông. Sư bèn hỏi về Bát Chánh thông cục Thánh Hiền, sau trách mới thi hành, không có lời để đối đáp. Mọi người thấy pháp sư Tông chịu khuất mới nói rằng: “Học Sĩ ở Kinh Thất bàn nói thật ít có. Sự rộng lớn của ba Tông thì cái nào là tự chỉ.” Và đời Cao Tổ muốn khiến Lão Đạo dời đến phương Đông khắp cùng Điều phục. Độ người truyền Pháp, diễn giảng hưng thịnh Lão Tông. Vào niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông mở rộng cả lương giáo (Phật, Đạo). Bấy giờ, Hoàng Cân Lưu Tấn Hỷ khai mở lão Tử, là người thông các Luận Đạo. Sư bèn hỏi về Đạo sinh nhất nhị, nêu chứng cứ trước sau. Lưu Tấn Hỷ bèn làm thỉnh. Sư nói: “Tiên sinh là người thấy cao giỏi trước, há cho là mắt thấy tai thông ư?” Cả Đại chúng đều cười lớn mà giải tán. Nên sự hiểu biết sâu xa về pháp tướng của Sư tiếng tăm vang khắp kinh

Quốc.

Đến tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Khoáng Công, tức anh của Sư thị tịch. Sư đau buồn trời buộc cõi lòng. Đồ chúng cùng an ủi Sư rằng: “Mọi người đều có sự chết, chỉ tự nên gạt bỏ mà nên đi thôi!” Sư gạt lệ bảo: “Đồng ở trong nhà lửa, cùng đắm trong sông Ái. Sinh tử chưa dứt bỏ, làm sao mà chẳng buồn!” Người nghe bàn luận đó cho rằng Sư khéo ở giữa Đạo tục.

Vào những năm đầu niên hiệu Trinh Quán thời Tiền Đường, có Phạm Tăng Ba Phả ở kinh đô, truyền dịch kinh điển, Ngài được chúng đề cử dự cùng đồng hàng. Sư Ba Phả nghe Ngài khéo giỏi về Luận Câu-xá, chưa lấy làm quý trọng bèn nói với mọi người rằng: “Luận này ở tại Bốn Quốc các bậc Học giả tài giỏi chẳng dám sai ý, nay nói là giỏi há chẳng có sai lầm ư?” Nhân đó bèn hỏi về Đại nghĩa và các Dị Luận, Sư tùy theo sức tuệ giải của mình, ứng đáp như nước chảy. Ngài Ba Phả khen ngợi: “Thật là người trí tuệ! Thật là người trí tuệ! Chẳng nói tuệ này, ta bằng người ấy!”. Từ đó, Sư chuyên tình Đạo thuật, sâu kín thêm thường hằng.

Mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Hoàng Thái tử thỉnh các Bậc Thạc Đức nhóm họp đến Điện Quán Hoàng Văn để giảng nghĩa, Sư rộng khai mở cù thuật, bèn đáp lời các khách, tiếp đối khóa lấp, thần chỉ nêu trùm. Thái tử nhìn mà hỏi rằng: “Pháp Sư ở xứ nào mà biện luận như thế?” Tả thứ Tử Đổ chánh luân nói rằng: “Đó là Pháp Sư Đạo Nhạc trụ ở chùa Đại Tổng trì. Dấu vết pháp môn, Học Quán noi theo”. Thái tử bảo: “Hoàng Đế vì Quả nhân xây dựng chùa, thỉnh nhiều vị Danh đức, mà Thượng nhân đây chưa được thỉnh là vì sao?”. Đổ Chánh Luân nói: “Ngu Thuấn còn giữ tiết của Hứa Do, Hạ Võ vẫn thuận chí của Bá Thành, những người ấy là tục lưu vẫn còn theo kiểu dật, huống gì là Bậc sĩ của Phương ngoại là người xả bỏ tiếng tăm. Thần liền theo sự tốt lành ấy!” Thái tử bèn hạ lệnh rằng: “Nay hãy đến trông coi việc chùa, xứng đáng hư Phàm”. Sư đổi sắc mặt từ chối rằng: “Hoàng Đế xét sâu cố bản, quy hướng chí thành gieo nhân giác ngộ. Do đó, khảo xét chốn đất phước này, dựng lập Nhân từ, rộng thỉnh mời chư tăng Vô Trách, để dựng lập nghiệp Vô Cương, bản đạo thức lượng chưa được rộng rãi, Đức hạnh không đáng ghi chép. Nay được trông coi việc chùa, thật là điều không ổn, xin nguyện dĩ lòng dung thứ, dám trái với Ân Chỉ!” Sư luôn chối từ mà không được, bèn đến trụ chùa Phổ Quang.

Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền

Đường. Sư bị bệnh di lưu, mọi cách chữa trị đều không hiệu quả, Xuân Phòng Trung sứ cùng trông ở đường. Sư bèn thị tịch tại chùa đang ở, thọ sáu mươi chín tuổi. Hoàng Thái tử ban lệnh rằng: “Thượng Tọa ở chùa Phổ Quang, mọi phí tổn trong việc tang đều được gia lệnh chi cấp.” Thứ sử Phong Hậu không đặt Di ước, nhưng ban tặng lụa và các tang phục ở đương thời như pháp y v.v... Không bao lâu thì có ban sắc cho quan chủ cấp nghi thức an táng, đón rước đến góc phía Tây của Đổ Thành thuộc Nam Giao.

Sư có đệ tử là Sa-môn Minh Lược, thân cao bảy thước ba tấc. Năm mười chín tuổi, Sư xuất gia, rất có chí khí, tỏ ngộ xa xăm, dung nghi thanh bạch nghiêm túc, đặc biệt rất giỏi về Kinh Niết-bàn. Học chúng nương theo nhóm họp đông đúc, nổi tiếng khắp cả Kinh Lạc. Sư trụ chùa Thiên Cung ở Đông Lạc. Niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường. Sư vào triều đình vâng phụng an ủi. Bấy giờ khắp bốn biển đều nhóm họp về Đế Kinh. Chỉ có Sư và ngài Minh Lược liền cành đều ngồi sáng, khi đó cùng tốt đẹp. Đến lúc sự duyên sắp xong, nói trở về Đông Hạ, tự nhiên Sư bảo rằng: “Đồng chí khí với ta có được bốn người mà đều nổi tiếng ở đời. Chỉ có ta và ông (Minh Lược) cùng nhìn lại du ảnh. Sau khi Pháp Sư Minh Khoáng thị tịch, tâm ta luôn tấm tức sợ chuột cắn sấn bìm, bỗng chợt qua đời, đời khác khó gặp, có thể không suy nghĩ ư! Nay tôi tuổi đã già, sống đâu được bao lâu nữa? Tập hội lại khó. Ông nên dừng ở!” Nhân đó, ngài Minh Lược bèn ở lại, mùa xuân năm sau thì Sư thị tịch. Ngài Minh Lược chịu đựng khổ đau, tha thiết buộc ràng, mang bệnh trở về chùa. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ sáu mươi bảy tuổi.

11- Truyện ngài Thích Công Huýnh trụ chùa Tuệ Phước ở Biện Châu:

Thích Công Huýnh, họ Biên, người xứ Tuấn Nghi thuộc Biện Châu. Năm sáu tuổi, Sư có tư tưởng muốn xuất gia, cha mẹ miệng đọc trao cho Sư Kinh Quán Thế Âm, trải qua nhiều ngày, từ đó chuyên dạy răn kinh pháp. Năm Sư chín tuổi được đưa đến chùa. Năm mười sáu tuổi, Sư thật sự xả tục, quyết chí nguyện ở chốn núi rừng. Nhân đó vào Thái nhạc, khổ tâm quên cả mỗi mệt.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư kính thờ Pháp Sư Hoàng, tự nghĩ rằng: “Khoanh tay im lặng ở chốn núi rừng, đây là một cách riêng làm cho mình tốt. Còn như đật đạo mờ tối, gìn giữ chỗ nương nhờ khác, chẳng hoằng hóa dẫn dụ thì không rộng lớn.” Sư bèn đến trụ chùa Tuệ Phước ở Biện

Châu. Trước kia khi đang ở trong núi, Sư đã từng giảng các Kinh Thập Địa, Thắng-man. Đến khi Sư vân du tới thành ấp, có người nhận biết, bèn thỉnh Sư giảng nói. Sư bèn nhân đó mà mở mang. Các kinh luận, v.v... Sư đều giảng cả. Về sau, Sư chỉ lấy kinh Pháp Hoa làm chính, bèn soạn sớ giải năm quyển và thường luôn mở mang giảng nói, trước sau có hơn năm mươi biển. Mỗi lúc giảng đến phẩm “Được Thảo dụ” thì tự nhiên trời tuôn mưa. Nên Sư có được sự u thành chứng cảm hiện nên như vậy. Với các Kinh Phật Địa, Bát-nhã Sư đều soạn sớ giải và truyền giảng, giúp cho hàng hậu học, tiếng tăm vang khắp Đông Xuyên. Sư lại soạn Vô Tánh Nhiếp Luận sớ, quyết chí công phu mới thành tựu. Sư an nhiên thị tịch tại chùa đang ở, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Ngoài ra, nghe các hành nhân nói về Sư rằng: “Sư là người thiếu dục, tự tiết chế, mặc áo vải bố, ngồi trên cỏ tranh, các lợi lộc hễ lúc nào có được thì ban cấp hết. Trong phòng không có hòm rương, bốn phía vách tường trống trải. Trước lúc Sư thị tịch, có mùi thơm lạ, ánh sáng mầu nhiệm soi chiếu đến chỗ phòng Sư ở, trong hai đêm có đến bốn lần, Sư tự trông thấy tướng tốt lành, môn nhân Đệ tử đều khen ngợi. Sư nói: “Nguyện nương điềm tướng này được vãng sinh về cõi nước An lạc!” Nhân đó, Sư không ăn, hai mươi ngày sau thì thị tịch. Giếng nước Sư thường uống khi Sư thị tịch thì tự nhiên khô cạn, tắt nghẽn dòng mạch, sau khi an táng vài ngày, nước mới có lại như cũ. Kẻ tặng người tục buồn thương, thông cảm như thế.

12- Truyện ngài Thích Thần Chiếu trụ chùa An Nghiệp ở Biện Châu:

Thích Thần Chiếu, họ Thuần Vu, người xứ Trung Mâu thuộc Biện Châu. Năm Sư chín tuổi, gặp lúc nhà Tùy loạn lạc, quyển thuộc điêu tàn thất lạc, chỉ còn lại mẹ và Sư nổi trôi không nơi nương tựa. Sau đó không lâu, mẹ của Sư cũng qua đời, Sư tới lui không chỗ đến, sáng sớm đi tìm mộc thật, tối lại nằm ngủ chỗ xác chết mẹ, mọi người qua lại trông thấy không ai chẳng rơi lệ.

Năm mười hai tuổi, Sư đến chỗ họ Uất, ở đó có Pháp Sư Trí Minh và xin xuất gia. Khi đó Pháp sư đang giảng về Luật tạng, Đồ chúng nhóm tụ cầu học, chùa viện vừa mới yên định, lương thực chưa đầy đủ. Sư vào trong thôn ấp mang vác lương thực để chu cấp, trải qua sáu năm lao nhọc mà Sư không hề mỏi mệt. Lúc nhàn rỗi lo việc chúng tăng, ban đêm Sư đọc tụng Kinh Pháp Hoa, Thắng-man, tuy lâu dài mà không ai hay biết. Đến lúc thọ giới cụ túc, nghe giảng luật tạng, Sư thường phát

khởi ý tưởng kỳ đặc. Những người học trước đều lấy làm lạ thấy Sư chóng tỏ ngộ.

Sư lại đến Nghiệp Hạ, chỗ Pháp Sư Hưu, nghe giảng luận Nhiếp Đại thừa, chỉ qua một biến thì không sai sót. Khi giảng tan, Sư từ giả trở về, Pháp Sư Hưu đưa tiễn Sư ra khỏi chùa, đồ chúng đều lấy làm lạ, Pháp Sư Hưu quay lại bảo rằng: “Đó (Thần Chiếu) chính là Nhất Biến Chiếu ở Hà Nam. Hậu sinh lãnh tụ, các ông nên biết!” Sư lại đến chỗ Pháp Sư Không ở Hứa Châu nghe giảng Tạp Tâm Luận, vừa mới tám quyển. Vì Thầy mắc bệnh nên Sư phải trở về. Sau có nhân duyên, Sư bèn giảng bộ luận này, trước sau thấy đều thông suốt. Người đương thời gọi Sư là “Hà Nam Nhất Biến Chiếu.” Tiếng tăm anh tài của Sư chẳng nhọc gọi vời. Từ đó về sau, với các kinh luận như Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Thành Thật, Tạp Tâm. Sư đều tùy cơ duyên giảng giải cho chúng nghe không hề từ chối. Sư lại tạo vài trăm pho tượng, viết kinh mấy ngàn quyển, tùy duyên ban cấp, không vì cất chứa. Bản tân dịch Kinh Năng Đoạn Kim Cương Bát-nhã vừa mới truyền đến, Sư đọc tổng quát, từ nghĩa dường như thiếu mất một hàng, Sư bèn lấy tình lưỡng xét mà ghi chú bên cạnh, sau so lại với nguyên bản quả nhiên phù hợp. Bấy giờ, mọi người đều ngợi khen năng lực suy nghĩ của Sư.

Vào khoảng niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường. Sư tuy bị bệnh với thời gian lâu mà giới hạnh không tỳ vết. Sư thị tịch tại chùa An Nghiệp, thọ bốn mươi chín tuổi.

Xưa, lúc bình thường, Sư có nuôi một con chó, nó thường theo Sư. Đến lúc Sư sắp thị tịch, nó kêu gào sủa những tiếng buồn thương, suốt đêm, nó chạy đến chùa; chỗ Sư xuất gia, qua lại hơn hai trăm dặm, nó chạy nhiều quanh chùa kêu gọi để báo, Chư tăng ở đó vốn không hay biết. Sau, hung tin đưa đến mới biết nó báo cho biết. Đến rạng sáng nó trở về đến chùa An Nghiệp. Sau khi an táng mấy ngày, nó ngủ hoài, chảy nước mắt, bỏ ăn mà chết.

13- Truyện ngài Thích Đạo Kiệt trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu:

Thích Đạo Kiệt, họ Dương. Tổ tiên Sư là Hoàng Nông, con cháu của Thái úy Chấn thời nhà Hán. Con cháu lại ở Minh Điều ấp An thuộc Hà Đông. Sư bẩm tánh phát ngộ tú đỉnh, mở rộng vượt ngoài vật. Năm vừa mới độ tuổi Tiểu học, mà đã Ngoại truyền, được chỉ dạy thư kế điển tịch. Ông nội Sư biết rõ Đại lược. Nhưng sớm gieo trồng gốc đức, tình nhàm chán trần tục. Cha mẹ Sư lưu luyến ngăn cản không chấp thuận.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Sư sắp hai mươi tuổi, bèn đi về phương Đông, đến chỗ Pháp Sư Chân Oanh Hỷ Hoàn, Thủy Quật. Ngài Chân Oanh xét thấy Sư cao trội, nên xuống tóc cho, sau đó cho thọ giới cụ túc, bảo Sư học kinh Niết-bàn, v.v... Tánh Sư thanh tịnh trong sáng, Văn trì như gương soi. Sau, Sư đến núi Hiên Đầu tụng Kinh Pháp Hoa, trải qua một tháng bèn đạt đến sâu. Sư tự nghĩ rằng: “Há trong kinh chẳng nói ư? Thà nguyện nghe ít mà hiểu nhiều nghĩa vị. muốn được thông yếu thì phải vân du rộng rãi.”

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Sư sang chỗ Luận sư Hà Ký ở Thanh Châu nghe học Luận Thành Thật, chỉ mới hai năm mà công phu bằng bốn năm. Sư Hà Ký nhìn Sư, bảo rằng: “Con ta (Đạo Kiệt) hình tướng lớn, có phong cách trong sáng, Học Cạn mà suy tư xa rộng. Luận của ta nhờ ông mà hưng thịnh. Nếu ông còn như trước sau, ta sẽ chỉ dạy không mỗi một!” Sau đó không bao lâu, ngài Hà Ký thị tịch, từ đó Sư rảo bước khắp đất Tề. Bấy giờ, có các ngài Trang Tịch, An Nghệ đều được gọi là Triết nhân. Sư bèn nương theo học đạo, biết nhiều tiên lệnh. Sư lại sang chỗ hai Luận sư Thương Ký và Ngụy Niệm nghe Luận Tỳ-đàm.

Sư lại đến chỗ Đạo Thượng ở Thanh Hà, Hồng Cai ở Cấp Quận, đều nghe giảng Luận Thành Thật, trước sau tất cả bốn năm, nghiên cứu cùng tận năm nhóm, Sư bèn tìm cả trên dưới để hỏi Pháp Chủ. Sư từng làm cho Cai Công than vắn thở dài, thường định ra nghĩa này rằng: “Trong Luận nói “Chỉ một khổ thọ mà có ba thứ khác nhau”, Văn đó chẳng phải nghĩa là lấy một Hành Khổ gọi là Khổ thọ mà tùy tình nói ba Thọ. Chính vì đối với một khổ thọ mà tùy tình nói ba Thọ, đó là sự kế chấp của Kinh Bộ Sư, mà ngài Bạt-ma thuật lại lấy làm Tông. Có thể chẳng như vậy hay sao?” Ngài Hồng Cai bảo: “Đúng vậy!” Sư nói: “Nếu khiến cho Quả khởi thù đáp Nhân, nói khổ thọ là Lạc thọ thì cũng có thể nhân thành cảm Quả, nói nghiệp ác là nghiệp lành. Nếu nói nghiệp lành cảm Quả vui. Nghiệp lành chẳng phải là nghiệp ác thì cũng có thể thọ vui thù đáp nhân lành. Thọ vui chẳng phải thọ khổ. Nếu nói thọ vui thù đáp nhân lành mà Thể tức là thọ Khổ, cũng có thể nghiệp lành Cảm Quả vui mà Thể tức là nghiệp ác. Nếu nói chỉ là một thọ Khổ, tùy tình nói Vọng vui thì cũng có thể chỉ là một nghiệp ác, tùy tình nói vọng lành, trong đó có lắm câu, cuối cùng là một chương ngại, xa lấy phục ý, phủ lấp quyết đoán”. Khi đó, ngài Hồng Cai mỉm cười bảo: “Đối với việc này phải hiểu. Nhưng sau, ở nơi phòng riêng, Ngài Hồng Cai bảo Sư rằng: “Ông thật là người có trí sáng, vượt trội đồng bạn, khó nói cho cùng.

Nay tôi già yếu, việc mở mang Hưng Thạnh Luận đạo việc ấy phải do Ông!” Do đó, môn nhân thầy đều kính phục.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, từ đất Vệ Sư đến Nghiệp Đô, nghe pháp sư Hưu giảng Nhiếp luận, Sư lại đến chỗ Luật sư Hồng nghe giảng Luật Tứ Phần. Lược biết được cửa ngõ, mà ý vẫn còn ở Tiểu luận. Sư chuẩn bị đi về phương Đông, gặp Tùy Hán Vương mời Luận Sư Chí Niệm ở Thương Châu, pháp sư Pháp Lăng ở Hà Giang đến hoàng hóa ở Tinh Châu, bỗng được việc ấy, Sư bèn đến nương theo, nghe giảng kính ngưỡng Ca-diên đọc luận Bà-sa. Trước sau suốt ba năm thông hiểu cùng cực. Sư từng hỏi vặn Luận sư Chí Niệm rằng: “Nếu Xúc chẳng phải xúc nhập xứ, cũng nên Thức Không chẳng phải Thức Trú xứ. Nếu cho rằng thức chẳng phân là Thức trụ xứ, cũng nên xúc chẳng phân là xúc nhập xứ.” khi đó, Luận sư chí niệm chỉ mỉm cười nhìn thẳng hoàn toàn chẳng hiểu gì. Sư luận Đạo hỏi vặn mạnh mẽ đại loại như thế. Nhưng vì trước, Sư công kích Tiểu Học là ý muốn mở mang Đại thừa.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư lại nương tựa pháp sư Pháp Lăng nghe giảng các Luận Thập Địa, v.v... bấy giờ các pháp môn đang mở rộng, các bậc Tông sư kết nhóm. Trí Cảnh Đại Luận, Thập Lực nhiếp thừa, cả hai đều thấu đạt Niết-bàn, Thuấn Khám Luật Bộ một lúc mà gồm nhóm, khắp trong Tinh Châu, Tấn Châu đều hưng thịnh. Sư bèn rảo bước vân du khắp các trường giảng, quán xét sơ lược mọi sự Đồng Dị. Trải suốt sáu năm, Sư đều tỏ bày vấn nạn. Nên tại Tinh Châu có câu nói: “Đại Đầu Kiệt vấn nạn người giết”. Nhưng Sư nêu bày tuy ít, nhưng một nêu, một trách, có thể làm cho đổ mồ hôi.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm-đời Tùy) băng (605) Tấn Dương nghịch tiết, Sư bèn trở về quê cũ, giảng Luận A-tỳ-đàm Tâm, lại giảng Kinh Địa Trì, mỗi thứ năm, sáu biến. Sư tự nghĩ: “Nhọc việc nói năng, đường tâm mở rộng. Còn như khởi tuệ mà chẳng có định thì không phát!”. Sư bèn nghỉ giảng, tìm đến Ma Cốc, nương tựa Thiền sư Chân Tuệ thọ học ngồi, nghĩ chọn Niệm tuệ, vào sâu Duyên khởi. Thiền sư Chân Tuệ ngợi khen Sư rằng: “Thường cho là Pháp Sư v.v... một khi đã theo Danh giáo, khó nép theo vòng loạn, vì sao mới tập hành đã có khả năng chú tưởng, há chẳng phải trước đã tu tập đến cùng ư?”. Sau đó, Sư y cứ Thành Thật An ban niệm xứ, suốt hai đêm chuyên tưởng quán thấu hiểu Đại minh. Bèn nói với Pháp Sư Thần Tố rằng: “Đêm qua tôi thử y cứ theo luận văn an ban niệm Quán, cảnh giới rất sáng mà khí bức xung lên ngực, ngồi không yên một chỗ, muốn dứt tai

hoạn ấy phải dùng đến Giáo để xua đuổi. Xin chọn các bản Di Đồng của kinh An Ban biên soạn thứ lớp, cùng y cứ để xua đuổi vương mặc.” Ngài Thần Tố bèn đem các Bộ Bà-sa, Thành Thật, Long Thọ, Lan-nhã, nói rõ về tướng mười sáu Đặc thắng, sáu thứ An-ban để chỉ bày cho Sư, Sư bèn y cứ theo đó mà tu tập, càng thêm trong sáng, thanh tịnh. Sư lại trở sang Ma Cốc để trình bày sở chứng. Ngài Chân Tuệ bảo rằng: “Lành thay, bậc Đại lợi Căn! Lợi lạc trong suốt, những người học ngồi chưa đến chỗ ấy!”.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, thỉnh Sư giảng Thập Địa. Sư cười bảo: “Hơi thở nương tu Thiên, chỉ gọi là pháp tự lợi cho mình. Giảng truyền pháp hóa mới là lợi tha. Còn như tự tha đều lợi thì việc phải thương lượng. Nay phải ban ngày giảng, ban đêm mặc tĩnh, ngổ hầu Đại tiểu đều được thông hợp, điều ấy có thể làm được chăng?” Sư kéo việc giảng nói hơn ba mươi Biến. Đồ chúng thường theo học có hơn trăm vị, có đủ khả năng ra ngoài hoàng hóa khoảng hai mươi vị. Sư là người cương quyết, thẳng thắn bao dung, thiếu dục ít nói, chọn người kết giao phải là kẻ sĩ, của cải sơ sài, ăn uống đạm bạc, khổ vui không nói, mừng giận chẳng phiền, cả Đại chúng chùa Thê Nghiêm đều đề cử Sư làm Tăng Chủ. Sư cố khước từ mà không được, giống như mây nổi.

Đến ngày hai mươi tám tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, vì bị bệnh mà Sư thị tịch tại chùa, thọ năm mươi lăm tuổi, ba mươi sáu hạ lạp. Mới đầu, có ngài Phiền Xước ở Tang Tuyền, trước kia vào thời Bắc Chu phá hủy Phật Giáo, vốn là tăng sĩ, nay tuy là người tại gia mà thường tham dự pháp vũ. Sư dùng lễ Quốc Sĩ mà tiếp đãi. Phiền xước đã qua đời từ trước, hai người con gái nằm mộng thấy ông nương giữa Hư không đi đến bảo rằng: “Ta sinh về cõi nước Cực lạc ở Tây phương, biết Pháp sư Đạo Kiệt sắp thị tịch nên đến đón rước.” Nhân đến chùa Thê Nghiêm, ngày đó Sư mắc bệnh nên nghỉ giảng, đến lúc thị tịch, Sư thường thấy Phiền Xước ở bên cạnh. Cả Đại chúng lại nghe giữa hư không có tiếng kỹ nhạc, mùi thơm khác lạ. Nên Sư cách xứ tuy xa mà chẳng phụ công mở mang dẫn dắt. Môn nhân Đệ tử bèn y theo pháp thức ở Tây vực, cử hành lễ Trà-tỳ, thâu nhật di cốt, xây tháp cúng dường.

14- Truyện ngài Thích Thần Tố trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu:

Thích Thần Tố, họ Vương, tự là Thiệu Tắc. Tổ tiên Sư vốn ở xứ

Thái Nguyên. Ông nội Sư theo nghiệp làm quan ở Ngô Châu, bèn dời đến ở một vùng hoang vắng thuộc xứ Minh Điều; ấp An. Sư thuộc giòng tộc cao quý, không nhọc phải ghi.

Thuở thiếu thời, Sư cùng Sa-môn Đạo Kiệt kết tình thân giữa hai họ Trương và Phạm, cùng dẫn dắt nhau đi hỏi Đạo. Phú lễ dịch của Nho học là sở trường. Còn như Thiên Thập, tiếp nối tốt lành anh thái, nên Sư đến học ở các trường giảng, rảo khắp mọi nơi trong nước, đều cùng theo nhau. Cả hai là người thế đó. Với mọi sự tập học từ nghĩa, rộng xét xem tuần ngộ thật khó phân định là anh là em. Còn việc Tụng kinh, tập học thiền định phải chỗ cầu ẩn thì Sư thuộc sau ngài Đạo Kiệt. Còn với Văn Lý hội thông thì Sư dẫn trước. Sư vì Ngài Đạo Kiệt mà tìm ra An Ban Niệm Quán, giúp ngài Đạo Kiệt không còn vướng mắc, như đã nói trong truyện trước.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy. Ngài Đạo Kiệt nghỉ giảng, học chúng thỉnh cầu Sư tiếp nối tương tâm, Sư bèn tùy thuận chuyên giảng luận Tỳ-đàm hơn bốn mươi biến. Sư tiếp tục giảng luận Thành Thật gần hai mươi biến, ngoài ra, các Tiểu bộ, ở đây chẳng ghi hết. Với sự giảng pháp chỉ một lời nói khế lý, nói ít mà giải thích nhiều, khiến người học tỏ ngộ cao xa, người nghe không nhàm chán thì ngài Đạo Kiệt cao vượt hơn Sư. Còn về tỏ bày nhiều điểm Đồng dị, rộng quyết định đúng sai, trịnh trọng trịnh trọng xét xem, mở ra Giác Ý thì Sư thật là Hiền giả so với ngài Đạo Kiệt. Còn chỗ khéo thành thì phủ che rộng rãi đồ chúng tài giỏi nên ở Tấn Xuyên khen là “Hai ngài Thần Tố, Đạo Kiệt như Thu Cúc, Xuân Lan mỗi người tự có vẻ đẹp của riêng mình”. Nhưng Sư có tâm cung kính thối nhượng từ ái khoan dung, tiếp đãi kẻ sĩ, chiêu mộ người hiền chẳng phạt đối với mình.

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Đại chúng chùa Thê Nghiêm thỉnh Sư trông coi đảm nhận việc chùa. Sư viện cố pháp sự nối nhau có sự cản trở giềng mối của chúng tăng, nên từ chối. Tăng chúng lại cố cầu thỉnh, Sư bèn y cứ theo việc cũ của ngài Đạo Kiệt mà chấp nhận. Tánh Sư khoan hậu bao dung với mọi người, nên được trên dưới đều hòa mục, gió bụi tĩnh lặng. Đến ngày hai mươi ba tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Thê Nghiêm, thọ bảy mươi hai tuổi.

Sư, một đời hạnh nghiệp, chỉ nghĩ tưởng đến Tây phương. Đến ngày sắp thị tịch, Sư vời tất cả Môn Nhân đại chúng cùng giã biệt Họ. Sư tự ngồi kiết già, trang oai nghi dung rồi bảo đại chúng tụng kinh Quán Thế Âm hai biến. Sư nhất tâm lắng nghe, tự xưng niệm “ Nam-mô A-di-

đà Phật”, như thế đến năm, sáu câu, Sư lại bảo một người xướng niệm, còn những người khác đồng hòa theo, mãi đến nửa đêm, Sư vẫn ngồi thẳng sừng sững, bất giác Sư đã thị tịch lâu rồi, bèn y theo thế Sư ngồi mà tẩm liệm an táng, da thịt tiêu rã hết mà xương cốt vẫn ngồi như lúc đầu. Lại cảm có các điềm lành ở đây bỏ qua không ghi chép.

Đầu đêm Sư thị tịch, Pháp Sư Chí Khoan ở chùa Nhân Thọ, ban đêm tỉnh tựa mơ màng thấy Sư đến chỗ ngài đồng giường ngủ nghỉ, ân cần cáo biệt rằng: “Đức Như Lai mở tâm Đại Bi vì các chúng sinh trải qua nhiều kiếp tu hành khổ hạnh tinh tấn siêng cầu Đại pháp, lưu bố khắp trong trời người, muốn cho không dứt bật, chúng ta tuy ở hạ lưu, nhưng Phật di chúc phó thác mà chưa thể phát huy, Đạo nghiệp bèn có các vị ở trước. thân Tố tôi tuy chẳng ra gì, mang nặng tội lỗi, thường muốn thôi đẩy mạng rất mực ngu lên đến trời nghe. Nay đại vận chợt đến, từ già mãi mãi, nên khéo sống và cố gắng!”. Ngài Chí Khoan đưa mắt đến cùng cực, bỗng nhiên tỉnh giác, cho đến sáng vẫn chẳng biết điều hung dữ. Chỉ phút chốc có tin đưa đến mới biết Sư đã thị tịch từ hôm qua. Ngài Chí Khoan viết gửi thư kể lại nỗi lòng cho cho các môn nhân, đệ tử Ngài biết như thế.

15- Truyện ngài Thích Pháp Hộ trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô:

Thích Pháp Hộ, họ Triệu, vốn người ở Triệu Quận. Ông nội Sư tên Khương, làm Tế Âm Thái thú, con cháu toại gia. Đầu đời Tùy, có Triệu Hằng cùng Thanh Hà Thôi Uông, vì đồ Tú tài, nên người đương thời gọi là Tứ Thông, tức là cha của Sư. Gia đình Sư vốn thanh bạch cần kiệm, lễ nghi trong trắng tự sống. Thuở nhỏ, những lúc các trẻ đùa vui thì Sư ngồi khoanh tròn lên giảng, nhật hoa bày cúng. Cha của Sư biết Sư là Pháp khí. Năm mười hai tuổi Sư phải chịu tang cha, sau đó không bao lâu lại phải chịu tang mẹ. Sư đau buồn khóc đứt hơi đôi ba phen. Sau khi mãn tang, Sư đến Hà Bắc thuộc Vệ Châu, muốn học theo Nho thuật, bỗng gặp được duyên tốt dẫn dắt, dạy cho Sư nhận biết ba cõi như lao ngục, bốn đại dương rấn độc, nếu chẳng sớm tỏ ngộ thì luân hồi không thôi dứt. Sư bèn nương theo đó mà xuống tóc xuất gia. Lúc ấy Sư mười lăm tuổi.

Ngài dừng ở lại tụng Kinh Tịnh Danh bảy ngày, bèn thấu đạt. Từ đó, Sư rộng tham hỏi các kinh, thưa hỏi không xa gần. Sư bèn đến chỗ Pháp Sư Chí Niệm nghe giảng Luận Tỳ-đàm, đến chỗ Pháp Sư Pháp Ngạn học Luận Thành Thật, qua lại nhiều năm, tham dự các dấu vết

trước. Sư lại nghe giảng Luật Bộ, tìm hiểu trì phạm. Sư lại đến chỗ Luận sư Trung ở Bành Thành, đó là người chuyên rông Nhiếp luận, khắp cả nước đều kính ngưỡng, kính vâng thưa hỏi, không hề chối từ. Sư được chỉ bày truyền trao mọi lẽ, cùng tận Huyền trí.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, Độ Tăng hoàng hóa ở phương xa. Sư bèn ứng với sắc chiếu ấy, tiếng tăm đượm thấm xứ An Lục. Không bao lâu có sắc ban xa thỉnh mời những vị có khả năng tài nghệ vào ở nội đạo tràng. Lúc đó Sư vừa mới ba mươi hai tuổi, đã đến trụ chùa Tuệ Nhật. Các bậc tài giỏi nhóm họp đông đảo, thường giảng các kinh luận như Trung Quán, Niết-bàn, Nhiếp Luận. Ngụy trình đã giảng, Thái Tông mới vào, riêng thỉnh năm vị Danh đức, Sư ở trong số đó. Từ đó, khảo xét Nhiếp luận, hai đầu bảy bỏ. Hoặc giả vì nhiều Tân bản, xác tước chưa đủ y cứ để nhậm, mà Sư riêng được nơi tâm, đến lúc Đường luận mới lưu xuất, tự nhiên phù hợp, vì là có người biết mà im lặng.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Ly Thế Dân) ban sắc thỉnh Sư đến chùa Thiên Cung ở nhà Long Tiêm, Sư bèn trông coi đảm nhận việc chùa, lấy Đức để khuyên dạy người, chúng đều hòa mục như thế. Đến ngày hai mươi mốt tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, lúc bóng nắng chẳng còn, Sư thị tịch tại phòng, thọ sáu mươi tám tuổi.

Ngài rất giỏi ngoại thư, khéo về Đạo thuật, kiệm ước với chính mình, bớt ăn uống, cởi y phục cấp tặng người lạnh giá, thắt đai quanh năm, không hề trang sức dung mạo, mà những người quý thẳng lại kính trọng, mọi người tài thông đều đến đông đúc. Trước đó, Sư uống thạch tán, phát loạn mấy ngày. Môn nhân thấy vậy dối đáng tự trách lấy, nhưng hãm hại thầy ở phi đạo là lý gì ư? nên bèn chẳng nói. Sư dung mạo khác thường như vậy, nhưng Sư khéo thi thiết quên cả mọi mệt. Trong phòng không có chứa để đồ vật quý, chỉ có một chiếc giường, một chiếc ghế mà thôi. Sư soạn Nhiếp Luận Chỉ Quy, v.v... hơn hai mươi thiên. Ban đầu, khi Sư mới tịch, có sa-môn Trí Đại ở Tung Sơn ngoài chín mươi tuổi mà khí cốt điềm nhiên trong trắng chẳng hơn ba mươi tuổi, nghe tang buồn mang chông sách trượng mà đến, rất mực đau buồn nói rằng: “Bậc sĩ của kinh luận, thường của tinh khổ, ở đời có được người ấy, còn như thuần trực tự nhiên, thức lượng thanh nhã thì sau khi người ấy qua đời sẽ dứt hẳn vết tích!”. Trung thư Đỗ Chánh Luân đến viếng điếu và có bài Minh, lược nêu như sau: “Xưa kia được ân răn dạy, dẫn dắt sâu xa, mãi đến nay xoay vần đến thăm hầu, khóc gào cùng

giường ghế, lệt đở có thể kéo đấm chìm, than ôi chẳng thôi, gần ở tuổi xa, mãi là khuôn phép cao vời!”.

16- Truyện ngài Thích Huyền Tục trụ chùa Bảo Viên ở Thục Đô:

Thích Huyền Tục, họ Tang, người ở xứ Thành Đô thuộc quận Thục. Sư xuất gia đã lâu, trải qua Đạo nghiệp, các kinh luận như Niết-bàn, Thành Thật là chính của sở học. Sư thường giảng Kinh Pháp Hoa, dẫn dắt hàng sơ cơ mới hiểu, nhưng phong thái của Sư cao vời, dung chỉ khuôn phép. Những lúc bàn nói lanh lợi khắp thông. Sư thấu đạt ngoại thư, giỏi các lối chữ Thảo chữ lệ. Bấy giờ, Thổ Thiên Thập kế tiếp sự tốt đẹp ở trước. Sư lại hay chiết phục tiết tháo hạ người. Với các hàng trẻ thơ niên thiếu tăng tục, Sư có tài điều nhiếp, khiến chúng đến nói chuyện thương mến và quen dần. Còn như các hàng Hầu Vương Hùng Bá Danh Nho Đại đức tiện ngạo nhiên đặc lập. Sư chẳng vì để ý mà Thân sáng càng cao, luận biện hợp nhanh như điện chớp.

Có Đông Tào Duyệt Tiêu Bình Trọng ở Tử Châu là con cháu của Lương Cao, rộng học cơ quan, là tuyệt ngầu ở đương thời, đến tham yết bàn nói đều mối, văn tập chỉ bày. Bình Trọng rất kính chuộng, ung dung bảo rằng: “Kính ngưỡng hoài bão cao vời, xem lược các hàng sang quý v.v... nay mong lễ được đoái hoài, rất thẹn với phi nhân”. Sư bảo: “Kiêu ngạo đối với họ. Còn Minh Công ái rộng thì dùng ái rộng để đáp”. Bình Trọng nói rằng: “Từ trước đến nay, Pháp sư không phải như vậy, nay đây chợt như vậy, nghi là Hư đàm, sợ chẳng phải thực lục.” Sư đáp: “Bần Đạo hư thật tiếp đãi ông, cũng như ông thật hư gặp gỡ Bần Đạo”. Cả hai cùng vui vẻ cười.

Sư từng vì chùa Bảo Viên soạn Văn bài Minh, trong đó có nói về Lão Trang rằng: “Lão được tôn xưng là bậc Thánh, Trang được gọi là Triết nhân. Như đem lửa đom đóm mà sách với ánh sáng mặt trời, ví núi lớn với mảy bụi.” Gặp lúc có Đạo Sĩ Phùng Thiện Anh ở Thái Giang đi ngang qua chùa, vào lễ bái, trông thấy rất ghét, nói với Sư rằng: “Văn Chương thường bàn nói thật hay đẹp, nhưng hủy báng chưa biết được bản hoài. Nếu chẳng sửa đổi, ta sẽ sai sứ tấu trình”. Sư bảo: “Thế thể của Văn Chương ông chẳng thể biết được. Nếu gọi là sắc sứ muốn uy hiếp nhau, trong chùa ta năm khác sai người trẻ tuổi, đó là sắc hứa, cũng là sắc sứ. Ông muốn tấu trình ta, ta đang là người trẻ tuổi cũng có thể tấu trình về Ông.” Phùng Thiện Anh vô cùng tức giận mà chẳng biết làm sao. Chư tăng trong chùa có năm mươi vị tuy đều đợi chờ đến chiều,

mà đều thuận phục. Sư từng thấy người thuật về Trang Tử dụ như chim bằng, chim yến, Sư bèn than rằng: “Trang mê mờ cho rằng Đại tiểu cùng cực chỉ là ở đây. Đâu biết núi Tu-di chẳng dung chim cánh vàng, thế giới đưa vào trong mảy trần, trí của con ếch ở đáy giếng chỉ làm đơ bản tai mắt của người!.”

Về sau, lúc bệnh trở nặng, Sư nhóm họp chúng tăng, khi đã nhóm họp Sư xả bỏ hết cả rồi nói rằng: “Sinh tử là việc thường. Mong các vị mỗi người tự làm bến bờ cứu độ cho mình!”. Và đêm đó Sư thị tịch. Lúc ấy nhằm niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường.

17- Truyện ngài Thích Tuệ Bích trụ chùa Pháp Lưu Thủy ở Tô Châu:

Thích Tuệ Bích, người xứ Gia Hưng thuộc Tô Châu. Lúc mới mang thai, mẹ của Sư dứt hẳn các thức ăn uống tanh nồng. Đến lúc sinh Sư về sau lại ghét các mùi vị hôi hám. Nên mới đầu từ hài nhi đến bảy tuổi, Sư chỉ ăn dùng các thứ rau quả, không hề mong cầu gì.

Đến khi xuất gia, Sư nương tựa Nghiêm Sư Minh Giáo ở chùa Pháp Lưu Thủy, thuận theo tu tập. Sau hai mươi tuổi, Sư vân du tìm cầu học Đạo không ngại nguy hiểm. Bốn luận ba Kinh, Sư thưa hỏi thường yếu. Khi sở học đã thành đạt, Sư trở về chỗ ở cũ. Mọi người khắp bốn phương nương theo Đạo phong đều nhóm họp thỉnh cầu bái yết. Môn nhân qua lại thường có cả trăm vị. Sớm tối ngài dạy răn dẫn dụ, nhạo khéo nói không mệt mỏi. Lưng Sư chẳng dính chiếu hơn bốn mươi năm. Già không sức lâu, thường vồ vào ghế loạn. Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, Sư đã ngoài bảy mươi tuổi. Người ấy chẳng xa. Từ Trạng ít truyền, khắp bốn phương xa khen ngợi chỉ nói là “Đại đức không thể suy nghĩ bàn luận”. Còn như Sư đăng cơ đối ngữ, soạn các Hiến Chương, Vết Cao chẳng nghe thấy, sợ lấp vùi xưa cổ. Thật tiếc thay.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 13 hết).